



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 20

Ngày 31 tháng 08 năm 2020

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

UBND TỈNH

12/08/2020	Quyết định của UBND tỉnh số 36/2020/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Sơn La	2
18/08/2020	Quyết định của UBND tỉnh số 37/2020/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Sơn La	9

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

UBND TỈNH

31/07/2020	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 1603/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án Ứng phó mưa lớn, lũ quét, lũ lụt, sạt lở đất, đá trên địa bàn tỉnh Sơn La	35
26/08/2020	Quyết định của UBND tỉnh số 1869/QĐ-UBND ban hành Quy định quản lý, sử dụng kinh phí "túi thuốc y tế cho các bản đặc biệt khó khăn" trên địa bàn tỉnh Sơn La	61

~~CÔNG BÁO SƠN LA/Số 20/Ngày 31-08-2020~~³
~~thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên~~
quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động-TBXH (b/c);
- Vụ Pháp chế - Bộ LĐTBXH;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX. Phương 06 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thủy

QUY CHẾ

Quản lý các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Sơn La

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND
ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức và cá nhân có liên quan đến các hoạt động thuộc phạm vi quản lý các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Công trình ghi công liệt sĩ

Là công trình được Nhà nước quy hoạch và xây dựng đảm bảo mỹ quan, bền vững, phù hợp với phong tục, tập quán của địa phương; ghi công các liệt sĩ đã hy sinh vì sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ Quốc tế; có ý nghĩa giáo dục truyền thống cách mạng lâu dài cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ thanh thiếu niên; là nơi để nhân dân thăm viếng, tỏ lòng tôn vinh, đời đời ghi nhớ công ơn các liệt sĩ.

2. Công trình ghi công liệt sĩ bao gồm Nghĩa trang liệt sĩ, Đài tưởng niệm liệt sĩ, Đền thờ liệt sĩ, Nhà bia ghi tên liệt sĩ.

3. Các hạng mục khác trong các công trình ghi công liệt sĩ bao gồm: Đài Tổ quốc ghi công, phần mộ liệt sĩ, Nhà bia ghi tên liệt sĩ, vườn hoa, cây cảnh, cổng, hàng rào bảo vệ khuôn viên các công trình ghi công liệt sĩ và các hệ thống điện, nước nằm trong các công trình ghi công liệt sĩ (nếu có).

Chương II QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH GHI CÔNG LIỆT SĨ

Điều 3. Quản lý các công trình ghi công liệt sĩ

1. Các nội dung quản lý các công trình ghi công liệt sĩ bao gồm:

a) Tiếp nhận, tổ chức an táng hài cốt liệt sĩ do các địa phương, đơn vị quy tập bàn giao theo phân cấp quản lý.

~~Công tác tiếp nhận, di chuyển hài cốt liệt sĩ và các thông tin về liệt sĩ đảm bảo chặt chẽ, khớp đúng giữa nơi chuyển đi với nơi tiếp nhận và thực hiện các bước quy trình, thủ tục theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về công tác mộ, nghĩa trang liệt sĩ.~~

b) Lập, quản lý hồ sơ, sơ đồ mộ liệt sĩ, danh sách mộ liệt sĩ; theo dõi, cập nhật quản lý mộ liệt sĩ; lưu giữ và bảo quản hồ sơ mộ liệt sĩ theo quy định.

c) Quản lý, bảo vệ, chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ, mộ liệt sĩ, Đài tưởng niệm liệt sĩ, Đền thờ liệt sĩ, Nhà bia ghi tên liệt sĩ và các hạng mục khác trong công trình ghi công liệt sĩ.

d) Tổ chức đón tiếp, hướng dẫn thân nhân liệt sĩ và nhân dân thăm viếng mộ liệt sĩ.

đ) Giải quyết các thủ tục về thăm viếng, giới thiệu thăm viếng, cất bốc, di chuyển mộ liệt sĩ trong các nghĩa trang liệt sĩ theo thẩm quyền.

e) Phục vụ các lễ viếng nghĩa trang, lễ truy điệu, lễ cầu siêu tổ chức tại nghĩa trang thuộc thẩm quyền quản lý.

g) Lập kế hoạch xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình ghi công liệt sĩ

Căn cứ điều kiện thực tế xây dựng kế hoạch xây mới, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các công trình ghi công liệt sĩ đảm bảo phù hợp về quy mô, các hạng mục trong nghĩa trang liệt sĩ theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội và đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương, phong tục tập quán, bản sắc văn hóa của nhân dân các dân tộc trên địa bàn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, cân đối nguồn kinh phí và triển khai thực hiện theo phân cấp quản lý tại Quy chế này.

h) Huy động các nguồn hỗ trợ hợp pháp để xây dựng, tôn tạo, nâng cấp, sửa chữa các hạng mục của công trình ghi công liệt sĩ theo thẩm quyền và quy định của pháp luật liên quan.

2. Các cơ quan được phân cấp quản lý các công trình ghi công liệt sĩ tùy theo quy mô, tính chất của công trình thực hiện bố trí người làm công tác quản trang *(đối với cấp huyện)*.

3. Đối với các công trình ghi công liệt sĩ đã được xếp hạng di tích Lịch sử - Văn hóa. Cơ quan, đơn vị được phân công quản lý, đồng thời thực hiện việc quản lý theo quy định của Luật Di sản văn hóa, các văn bản liên quan đến việc quản lý di tích Lịch sử - Văn hóa và quy định về quản lý công trình ghi công liệt sĩ.

4. Các công trình ghi công liệt sĩ phải được quản lý và thường xuyên chăm sóc, sửa chữa, tu bổ. Khuyến khích các tổ chức và cá nhân tham gia chăm sóc, gìn giữ các công trình ghi công liệt sĩ.

Điều 4. Phân cấp trách nhiệm quản lý các công trình ghi công liệt sĩ

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

~~Giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước đối với các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn tỉnh.~~

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Trực tiếp quản lý các công trình ghi công liệt sĩ gắn với di tích lịch sử được giao quản lý gồm: Nghĩa trang liệt sĩ Nhà tù Sơn La; Nhà tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ nhà tù Sơn La.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

Trực tiếp quản lý các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn huyện gồm: Nghĩa trang Liệt sĩ; đền thờ liệt sĩ, Đài tưởng niệm liệt sĩ và chịu trách nhiệm quản lý các công trình ghi công liệt sĩ gắn với di tích lịch sử được giao quản lý.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã

Trực tiếp quản lý nhà bia ghi tên liệt sĩ trên địa bàn.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG QUẢN LÝ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG CÁC CÔNG TRÌNH GHI CÔNG LIỆT SĨ

Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan được phân công quản lý công trình ghi công liệt sĩ

1. Thực hiện các nội dung về quản lý các công trình ghi công liệt sĩ được quy định tại Điều 3 của Quy chế này theo phân cấp quản lý các công trình ghi công liệt sĩ.

2. Phối hợp giải quyết việc tiếp nhận, an táng liệt sĩ theo yêu cầu của thân nhân liệt sĩ, người thờ cúng liệt sĩ.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Triển khai thực hiện Quy chế quản lý các công trình ghi công liệt sĩ; theo dõi, tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh về tình hình triển khai thực hiện Quy chế.

b) Xây dựng Kế hoạch đầu tư xây dựng, sửa chữa, tu bổ, nâng cấp, mở rộng các công trình ghi công liệt sĩ.

c) Chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị, địa phương trong việc xây dựng và quản lý các công trình ghi công liệt sĩ.

d) Hướng dẫn thực hiện việc chăm sóc, bảo vệ các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn toàn tỉnh.

đ) Thanh tra, kiểm tra việc triển khai, tổ chức thực hiện Quy chế này đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Thực hiện việc trực tiếp quản lý các công trình ghi công liệt sĩ gắn với di tích lịch sử được giao quản lý theo phân cấp quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này tại địa phương; xây dựng quy chế viếng các công trình ghi công liệt sĩ, nội quy quản lý công trình ghi công liệt sĩ tại địa phương theo thẩm quyền quản lý.

b) Chỉ đạo các đơn vị có liên quan thực hiện việc chăm sóc, bảo vệ các công trình ghi công liệt sĩ gắn với di tích lịch sử trên địa bàn được giao quản lý.

c) Tuyên truyền, vận động nhân dân trong việc nâng cao ý thức giữ gìn, bảo quản các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn.

d) Bố trí ngân sách địa phương hoặc từ nguồn huy động xã hội hóa từ cộng đồng để bổ sung nguồn vốn xây dựng, nâng cấp, sửa chữa công trình ghi công liệt sĩ thuộc thẩm quyền quản lý.

4. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

a) Tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này tại cấp xã; xây dựng quy chế viếng các công trình ghi công liệt sĩ, nội quy quản lý công trình ghi công liệt sĩ tại địa phương theo thẩm quyền và phân cấp quản lý.

b) Tuyên truyền, vận động nhân dân trong việc nâng cao ý thức giữ gìn, bảo quản các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn.

5. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan khác

Phối hợp với các cơ quan được phân công quản lý công trình ghi công liệt sĩ để tổ chức thực hiện Quy chế này và các hoạt động có liên quan đến công tác quản lý các công trình ghi công liệt sĩ theo chức năng, nhiệm vụ và phân công của UBND tỉnh.

Điều 7. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân đến viếng, dâng hương, tham quan các công trình ghi công liệt sĩ

1. Chấp hành các nội quy, quy định của đơn vị quản lý công trình ghi công liệt sĩ và hướng dẫn của tổ chức, cá nhân được giao chăm sóc, bảo vệ công trình ghi công liệt sĩ.

2. Không tự ý lắp đặt, cải tạo, di dời hoặc làm thay đổi thiết kế, kết cấu, mỹ quan các phần mộ liệt sĩ và các hạng mục của công trình ghi công liệt sĩ; không tự ý làm thay đổi thông tin trên bia mộ liệt sĩ.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Những nội dung liên quan đến công tác quản lý các công trình ghi công liệt sĩ chưa được quy định trong Quy chế này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

~~2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy~~
chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo hướng dẫn của
các văn bản đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phạm Văn Thủy

Số: 37/2020/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 18 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi, bổ sung ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội;

Căn cứ Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội;

Căn cứ Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 603/TTr-SNV ngày 10 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

~~**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh và tổ chức Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Sơn La.~~

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 8 năm 2020 và thay thế Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh Quy định về đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh và các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch các Hội có tính chất đặc thù; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP và CVCK;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NC, Xoa (100b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

(Đã ký)

Tráng Thị Xuân

QUY ĐỊNH

**Về đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của
các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; các đơn vị
sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh và các Hội có tính chất
đặc thù trên địa bàn tỉnh Sơn La**
(Kèm theo Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 của UBND tỉnh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi

Quy định này quy định các tiêu chí, trình tự, hồ sơ đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, *(sau đây gọi chung là Sở)*; UBND các huyện, thành phố *(sau đây gọi chung là UBND cấp huyện)*; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh *(bao gồm Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng)*, các Ban Quản lý *(sau đây gọi chung là đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh)*; các Hội có tính chất đặc thù *(sau đây gọi chung là Hội)*. Sở, UBND cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập, Hội được gọi chung là các cơ quan, đơn vị.

2. Quy định này không áp dụng để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm của các cơ quan thuộc khối Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị xã hội cấp tỉnh, cấp huyện; các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Mục đích đánh giá

1. Thông qua đánh giá, xếp loại phản ánh đúng mức độ, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Trên cơ sở đó, đề ra các giải pháp để phát huy những mặt tích cực, khắc phục các mặt yếu kém trong hoạt động chỉ đạo, điều hành quản lý hành chính nhà nước.

Kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị là tiêu chí quan trọng để xét thi đua - khen thưởng và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

Điều 4. Nguyên tắc đánh giá

~~1. Đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị phải căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan, đơn vị được quy định tại các văn bản pháp luật của Nhà nước, của tỉnh và những công việc được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; đồng thời xem xét đến yếu tố năng động, sáng tạo, hiệu quả trong tham mưu đề xuất và thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.~~

2. Hàng năm các cơ quan, đơn vị căn cứ quy định về tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ tại Quyết định này và đối chiếu với kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị để tự đánh giá, chấm điểm trên từng tiêu chí quy định, đảm bảo trung thực, chính xác.

3. Khi tiến hành đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị phải đảm bảo khách quan, khoa học, công khai, công bằng, dân chủ, phản ánh đúng những kết quả đã đạt được trong năm của cơ quan, đơn vị, đồng thời xác định, làm rõ số lượng, khối lượng công việc chưa hoàn thành trong năm của đơn vị và đề ra giải pháp khắc phục trong năm tiếp theo.

4. Các cơ quan, đơn vị được xếp loại thứ tự theo tổng số điểm đạt được từ cao xuống thấp. Cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định số lượng tập thể được xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” không vượt quá 20% số tập thể được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” và được xếp theo từng nhóm đối tượng có vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ tương đồng (20% đối với Sở; 20% đối với UBND cấp huyện; 20% đối với đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh; 20% đối với Hội).

5. Việc tự đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị được tổ chức định kỳ vào tháng 12 hàng năm và chậm nhất ngày 31 tháng 12 hàng năm, các cơ quan, đơn vị phải gửi hồ sơ về cơ quan thường trực hội đồng đánh giá cấp tỉnh (Sở Nội vụ). Việc phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị hoàn thành chậm nhất trong quý I của năm liền kề.

Chương II

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI

Điều 5. Tiêu chí đánh giá và chấm điểm

1. Tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với các Sở (theo Phụ lục số 01 kèm theo Quy định này).

2. Tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với UBND cấp huyện (theo Phụ lục số 02 kèm theo Quy định này).

3. Tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh (theo Phụ lục số 03 kèm theo Quy định này).

4. Tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với Hội (theo Phụ lục số 04 kèm theo Quy định này).

Điều 6. Phương pháp chấm điểm

1. Thang điểm chấm là 100, trong đó:

- Điểm tự đánh giá/thẩm định các tiêu chí (*các sở, ban, ngành là 94 điểm; UBND các huyện, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh và các Hội: 93 điểm*).
- Điểm cộng (*các sở, ban, ngành là 06 điểm; UBND các huyện, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh và các Hội: 07 điểm*).

2. Phương pháp chấm điểm

Căn cứ vào quy định thang điểm chuẩn của từng tiêu chí, các cơ quan, đơn vị đối chiếu kết quả công việc của cơ quan, đơn vị mình đã thực hiện, mức độ hoàn thành nhiệm vụ hoặc chưa hoàn thành để tự chấm điểm cho từng công việc.

a) Trường hợp cơ quan, đơn vị thực hiện tốt các tiêu chí ban hành kèm theo phụ lục tương ứng Điều 5, Chương II, Quy định này, thì chấm điểm tối đa.

b) Trường hợp cơ quan, đơn vị không thực hiện hoặc thực hiện nhưng không hiệu quả, không đảm bảo tiến độ, chất lượng, số lượng các tiêu chí, các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý, phục vụ của cơ quan, đơn vị hoặc được cấp có thẩm quyền giao thì không được tính điểm hoặc giảm trừ tương ứng theo mức độ kết quả hoàn thành nhiệm vụ.

3. Điểm cộng**a) Đối với Sở**

- Có thành tích xuất sắc, nổi bật trong việc tham mưu xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách, mô hình phát triển kinh tế - xã hội; giải quyết, hoàn thành các công việc trọng tâm, trọng điểm, công việc phát sinh, có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ghi nhận dựa trên khối lượng, tiến độ hoàn thành và hiệu quả thực hiện các nội dung của quy định, mỗi công việc, nhiệm vụ được thưởng 01 điểm (*được thưởng không quá 03 điểm*);

- Trong năm có đề tài, dự án khoa học công nghệ từ cấp tỉnh trở lên được UBND tỉnh phê duyệt nghiệm thu có khả năng triển khai ứng dụng hoặc được công nhận sáng kiến cấp tỉnh trở lên hoặc được cấp Bằng Lao động sáng tạo, mỗi đề tài, dự án, giải pháp, Bằng Lao động sáng tạo được cộng 0,5 điểm (*tối đa không quá 01 điểm*);

- Những trường hợp có thành tích nổi trội khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (*không quá 02 điểm*).

b) Đối với UBND cấp huyện

- Các dự án thu hút đầu tư, giải phóng mặt bằng được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ghi nhận trong năm (*điểm đánh giá được tính theo công thức: Số dự án huyện thu hút trong năm x (điểm tối đa/số dự án của huyện thu hút cao nhất)*) (*không quá 03 điểm*);

- Trong năm có đề tài, dự án khoa học công nghệ từ cấp tỉnh trở lên được UBND tỉnh phê duyệt nghiệm thu có khả năng triển khai ứng dụng hoặc có Sáng

~~kiến được công nhận cấp tỉnh trở lên hoặc được cấp Bằng Lao động sáng tạo, mỗi đề tài, dự án, giải pháp, Bằng Lao động sáng tạo được cộng 0,5 điểm (không quá 01 điểm);~~

- Thu ngân sách trên địa bàn vượt kế hoạch UBND tỉnh giao đầu năm từ 20% trở lên được cộng thêm 01 điểm;

- Những trường hợp có thành tích nổi trội khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (không quá 02 điểm).

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh

- Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập (ISO, 5S, IEC 17025, HACCP Hệ thống đảm bảo chất lượng trong giáo dục) được chứng nhận bởi đơn vị có thẩm quyền (02 điểm).

- Các đơn vị sự nghiệp công lập có thành tích xuất sắc, nổi bật trong việc phục vụ công tác quản lý nhà nước; trong năm có đề tài, dự án khoa học công nghệ từ cấp tỉnh trở lên được UBND tỉnh phê duyệt nghiệm thu có khả năng triển khai ứng dụng hoặc được công nhận sáng kiến cấp tỉnh trở lên hoặc được cấp Bằng Lao động sáng tạo, mỗi đề tài, dự án, giải pháp, Bằng Lao động sáng tạo được cộng 0,5 điểm (không quá 01 điểm).

- Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành hoạt động (02 điểm).

- Những trường hợp khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (không quá 02 điểm).

d) Đối với Hội

- Trong năm có đề tài, dự án khoa học công nghệ từ cấp tỉnh trở lên được UBND tỉnh phê duyệt nghiệm thu có khả năng triển khai ứng dụng hoặc có sáng kiến đạt giải cấp tỉnh trở lên hoặc được cấp Bằng Lao động sáng tạo, mỗi đề tài, dự án, giải pháp, Bằng Lao động sáng tạo được cộng 0,5 điểm (không quá 01 điểm).

- Hoàn thành nhiệm vụ được Tỉnh ủy, UBND tỉnh đặt hàng đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng (02 điểm).

- Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành hoạt động (02 điểm).

- Những trường hợp khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (không quá 02 điểm).

4. Điểm trừ

a) Đối với sở, UBND cấp huyện

- Tham mưu ban hành hoặc ban hành văn bản trái quy định, bị đình chỉ, bãi bỏ bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền, một văn bản trừ 01 điểm.

- Có đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền mà không giải quyết trừ 01 điểm.

~~- Có đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền có giải quyết nhưng~~
giải quyết không kịp thời, không thỏa đáng dẫn đến đơn thư vượt cấp (*trừ đơn, thư nặc danh*) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo phản ánh, mỗi trường hợp trừ 01 điểm, đúng 01 phần trừ 0,5 điểm.

- Không tập trung giải quyết hoặc giải quyết không hiệu quả khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền, dẫn đến có khiếu nại, tố cáo kéo dài, đông người phải giải quyết nhiều lần, mỗi trường hợp trừ 02 điểm.

- Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các Quyết định, Kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền trừ 02 điểm.

- Trong cơ quan, đơn vị xảy ra các vụ việc tham ô, tham nhũng, có thành viên lãnh đạo trong cơ quan bị kỷ luật hoặc khởi tố; có vấn đề nổi cộm hoặc mất đoàn kết nội bộ khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền, bị hạ 01 (*một*) bậc xếp loại.

- Bị Chủ tịch UBND tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền có văn bản phê bình, nhắc nhở trong việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, mỗi lần trừ 0,5 điểm.

- Có công chức, người đứng đầu và cấp phó người đứng đầu của cơ quan đơn vị trực thuộc, công chức thuộc phạm vi quản lý trực tiếp của cơ quan, đơn vị vi phạm kỷ luật, bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên, mỗi trường hợp trừ 01 điểm.

- Có cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý bị khởi tố, bị trừ 03 điểm cho mỗi trường hợp.

- Những trường hợp khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (*không quá 02 điểm*).

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và hội

- Có đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền mà không giải quyết hoặc giải quyết không kịp thời, không thỏa đáng dẫn đến đơn thư vượt cấp (*trừ đơn, thư nặc danh*) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo phản ánh, mỗi trường hợp trừ 01 điểm, đúng 01 phần thì trừ 0,5 điểm.

- Cơ quan, đơn vị xảy ra các vụ việc tham ô, tham nhũng; có thành viên lãnh đạo trong đơn vị trong năm bị kỷ luật hoặc khởi tố; có vấn đề nổi cộm hoặc mất đoàn kết nội bộ khi có Kết luận của cơ quan có thẩm quyền, bị hạ 01 (*một*) bậc xếp loại.

- Có công chức, viên chức vi phạm kỷ luật, bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên, mỗi trường hợp trừ 01 điểm.

- Có công chức, viên chức bị khởi tố trừ 03 điểm cho mỗi trường hợp.

- Những trường hợp khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (*không quá 02 điểm*).

Điều 7. Xác định kết quả xếp loại

1. Xếp loại mức độ hoàn thành thành nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị được chia thành 4 mức, cụ thể như sau:

Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ.

a) Xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

Đạt 90 điểm trở lên và lấy thứ tự từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu tối đa 20% số cơ quan, đơn vị được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ theo từng nhóm đối tượng.

Trường hợp có 02 cơ quan, đơn vị trở lên có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng thì Chủ tịch Hội đồng xem xét quyết định cơ quan, đơn vị xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

b) Xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ: Đạt từ 80 điểm trở lên.

c) Xếp loại hoàn thành nhiệm vụ: Đạt từ 50 điểm đến dưới 80 điểm.

d) Xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ: Đạt dưới 50 điểm.

2. Kết quả điểm để xếp loại của các cơ quan, đơn vị là tổng điểm (gồm điểm chấm theo tiêu chí, điểm thưởng, điểm trừ) sau khi được Hội đồng đánh giá xác định theo từng tiêu chí tại Quy định này.

Chương III**THẨM QUYỀN ĐÁNH GIÁ, HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ,
HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ**

Điều 8. Thành phần Hội đồng và thẩm quyền đánh giá

1. Thành phần Hội đồng

a) Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

- Thành lập Hội đồng

Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị. Thành phần Hội đồng đánh giá gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch UBND tỉnh;

+ Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng: Phân công một đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

+ Phó Chủ tịch Hội đồng: Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

+ Ủy viên Hội đồng kiêm thư ký: Giám đốc Sở Nội vụ;

+ Các Ủy viên Hội đồng gồm người đứng đầu các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng, Thanh tra tỉnh;

+ Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng

~~+ Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tự đánh giá theo các tiêu chí quy định.~~

+ Đánh giá, chấm điểm đối với một số tiêu chí trong Phụ lục số 01, 02, 03, 04 kèm theo Quy định.

+ Thẩm định, xem xét quy trình, thủ tục, kết quả chấm điểm trình Chủ tịch UBND tỉnh xét duyệt công nhận, xếp loại các cơ quan, đơn vị theo Điều 6 của Quy định này.

+ Giúp Chủ tịch UBND tỉnh chuẩn bị nội dung báo cáo kết quả xếp loại các cơ quan, đơn vị.

- Thành lập Tổ giúp việc của Hội đồng

+ Tổ giúp việc Hội đồng đánh giá do Chủ tịch Hội đồng quyết định thành lập, thành phần gồm:

+ Tổ trưởng: Giám đốc Sở Nội vụ - Ủy viên Hội đồng đánh giá

+ Tổ phó: Phó Giám đốc Sở Nội vụ phụ trách công tác Cải cách hành chính và Văn thư, lưu trữ;

+ Các thành viên: Lãnh đạo và chuyên viên các phòng có liên quan của các sở, ngành: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng, Thanh tra tỉnh, Sở Nội vụ;

+ Thư ký: Lãnh đạo phòng Cải cách hành chính và Văn thư, lưu trữ, Sở Nội vụ.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ giúp việc: Thẩm định, rà soát, tổng hợp kết quả tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của các cơ quan, đơn vị, đối chiếu với các tiêu chí đánh giá tại Quy định này. Đề xuất với Hội đồng đánh giá kết quả thẩm định (*điểm cộng, điểm trừ*) đối với các cơ quan, đơn vị. Dự thảo báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của các cơ quan, đơn vị.

b) Đối với các sở, các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, Hội

- Thành lập Hội đồng

Thủ trưởng, người đứng đầu Sở, đơn vị sự nghiệp công lập, Hội quyết định thành lập Hội đồng. Hội đồng đánh giá gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc Sở, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập, Hội;

+ Phó Chủ tịch Hội đồng: Các Phó Giám đốc Sở, cấp phó người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập, các Hội đặc thù;

+ Ủy viên Hội đồng kiêm thư ký: Chánh Văn phòng Sở (*hoặc tương đương*);

+ Các thành viên Hội đồng gồm đại diện lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị trong cơ quan.

~~+ Mời. Đại diện đảng ủy (hoặc Bí thư Chi bộ), Trưởng ban Thanh tra nhân dân; lãnh đạo các tổ chức đoàn thể của Sở, đơn vị sự nghiệp công lập, Hội tham gia hội đồng.~~

+ Văn phòng (hoặc tương đương) của Sở, đơn vị sự nghiệp công lập, Hội là cơ quan thường trực của Hội đồng.

- Nhiệm vụ của Hội đồng: Giúp người đứng đầu cơ quan, đơn vị tự đánh giá, chấm điểm, thu thập tài liệu kiểm chứng, hoàn thiện hồ sơ tự đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

c) Đối với UBND cấp huyện

- Thành lập Hội đồng

Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của UBND cấp huyện, thành phần Hội đồng đánh giá cấp huyện gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch UBND cấp huyện;

+ Phó Chủ tịch Hội đồng: Các Phó Chủ tịch UBND cấp huyện;

+ Ủy viên Hội đồng kiêm thư ký: Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện;

+ Các Ủy viên Hội đồng gồm đại diện lãnh đạo các cơ quan: Văn phòng HĐND - UBND, phòng Tài chính - Kế hoạch, phòng Tư pháp, phòng Văn hóa - Thông tin, phòng Kinh tế và Hạ tầng, Thanh tra cấp huyện và một số cơ quan có liên quan.

+ Mời: Thường trực HĐND huyện; lãnh đạo Ban Tổ chức huyện ủy, thành ủy; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện; Liên đoàn Lao động cấp huyện tham gia Hội đồng.

+ Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng.

- Nhiệm vụ của Hội đồng: Giúp Chủ tịch UBND cấp huyện tự đánh giá, chấm điểm, thu thập tài liệu kiểm chứng, hoàn thiện hồ sơ tự đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

2. Thẩm quyền đánh giá

Chủ tịch UBND tỉnh quyết định xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.

Điều 9. Hồ sơ đánh giá

Hồ sơ gồm có:

1. Báo cáo kết quả công tác năm.

2. Biên bản họp xét của Hội đồng.

3. Báo cáo tự chấm điểm của cơ quan đơn vị theo tiêu chí đánh giá, chấm điểm quy định tại Điều 5, Quy định này; báo cáo do người đứng đầu cơ quan, đơn vị ký tên, đóng dấu.

4. Tài liệu kiểm chứng kèm theo báo cáo.

6. Báo cáo giải trình (nếu có yêu cầu).

Điều 10. Quy trình, trình tự đánh giá

1. Các cơ quan, đơn vị căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm, đối chiếu với tiêu chí đánh giá, thành lập hội đồng cùng cấp tiến hành tự đánh giá, chấm điểm và tự nhận mức xếp loại, gửi hồ sơ lên Hội đồng thẩm định cấp tỉnh (cơ quan thường trực là Sở Nội vụ), chậm nhất ngày 31 tháng 12 hàng năm (riêng các Hội đặc thù, kết quả tự đánh giá, xếp loại phải thông qua Ban Thường vụ hội trước khi gửi Hội đồng đánh giá cấp tỉnh).

2. Sở Nội vụ (cơ quan thường trực Hội đồng)

Tổng hợp hồ sơ, thủ tục kết quả tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại cơ quan, đơn vị. Giúp Hội đồng chỉ đạo, phân công, hướng dẫn, kiểm tra tổ giúp việc của Hội đồng thực hiện nhiệm vụ.

3. Tổ giúp việc của Hội đồng thực hiện thẩm định, báo cáo Hội đồng.

4. Hội đồng đánh giá cấp tỉnh

- Hội đồng đánh giá thống nhất kết quả thẩm định, biểu quyết dự kiến kết quả xếp loại, trao đổi, thống nhất với các cơ quan, đơn vị, Ban Tổ chức Tỉnh ủy và báo cáo Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh.

- Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh thảo luận cho ý kiến và báo cáo xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy.

- Sau khi Thường trực Tỉnh ủy cho ý kiến, rà soát hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trình Chủ tịch UBND tỉnh ký quyết định xếp loại và công bố kết quả xếp loại của các cơ quan, đơn vị.

Chương IV

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Chế độ khen thưởng, kỷ luật

1. Các cơ quan, đơn vị được xếp loại đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Các cơ quan, đơn vị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ, UBND tỉnh sẽ xem xét trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó liên quan của người đứng đầu cơ quan, đơn vị đó theo quy định hiện hành.

Điều 12. Trách nhiệm của các tổ chức có liên quan

1. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc tham mưu tổ chức thực hiện các chương trình công tác, đề án và quy trình giải quyết công việc của các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, năm tổng kê, tổng hợp,

~~báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, đồng thời gửi Sở Nội vụ tổng hợp chung làm cơ sở để đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.~~

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư định kỳ hàng tháng thống kê tình hình chấp hành chế độ thông tin báo cáo tháng, quý, 6 tháng, năm của các cơ quan, đơn vị, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, đồng thời gửi Sở Nội vụ tổng hợp chung làm cơ sở để đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các cơ quan, đơn vị.

3. Sở Nội vụ

a) Chủ trì xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thẩm định, chấm điểm trên phần mềm chấm điểm đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các cơ quan, đơn vị.

b) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, các ngành có liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này, kịp thời tổng hợp những vấn đề vướng mắc, phát sinh cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp và trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

c) Phối hợp với Sở Tài chính, hàng năm xây dựng chi tiết kinh phí sửa đổi, nâng cấp phần mềm đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Sở Tài chính thẩm định dự toán chi tiết, trình UBND tỉnh phê duyệt kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện phần mềm đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

5. Các cơ quan, đơn vị.

a) Tổ chức triển khai, thực hiện nghiêm túc Quy định này, hàng năm có trách nhiệm tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị theo quy định, báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Nội vụ*).

b) Các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện việc đánh giá, phân loại đối với các phòng, ban, đơn vị trực thuộc.

- Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định xếp loại các phòng, ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc.

- Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định xếp loại các phòng, ban chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện; xếp loại UBND cấp xã./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Tráng Thị Xuân

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM ĐỐI VỚI CÁC SỞ*(Kèm theo Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND ngày 18/2020 của UBND tỉnh)*

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
I	CÁC TIÊU CHÍ VỀ XÂY DỰNG TỔ CHỨC, TẬP THỂ	47
1	Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác	24
1.1	Chủ động tham mưu, tổ chức xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	06
1.2	Thông tin, tuyên truyền, quán triệt, hướng dẫn, phổ biến các văn bản mới của Đảng, Nhà nước và của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về những lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của sở.	05
1.3	Ban hành văn bản chỉ đạo chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước đối với cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và các đơn vị thuộc quyền quản lý.	06
1.4	Chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo theo quy định của UBND hàng tháng, quý, 6 tháng, năm đúng thời gian quy định, chất lượng, đầy đủ thông tin.	05
1.5	Thực hiện chặt chẽ, có hiệu quả sự phối hợp với các sở liên quan và UBND cấp huyện	02
2	Việc thực hiện nguyên tắc tổ chức, cơ chế quản lý theo quy định; các nội quy, quy chế và chế độ làm việc hiện hành	12
2.1	Thực hiện đúng Quy chế làm việc tại cơ quan, đơn vị	01
2.2	Thực hiện tốt công tác dân vận chính quyền và công tác dân chủ trong cơ quan nhà nước.	02
2.3	Thực hiện tốt Quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài chính, tài sản công	02
2.4	Thực hiện tốt Quy chế văn hóa công sở	01
2.5	Thực hiện tốt công tác thi đua - khen thưởng	02
2.6	Thực hiện công tác văn thư - lưu trữ	02
2.7	Thực hiện việc áp dụng, duy trì Hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001	02

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
3	Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ và công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu	11
3.1	Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ và công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo	08
3.1.1	Ban hành Kế hoạch và tổ chức kiểm tra, thanh tra theo ngành, lĩnh vực. Ban hành các kết luận thanh tra. Thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và có báo cáo kết quả thực hiện.	02
3.1.2	Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra, kết luận đúng thời gian quy định.	01
3.1.3	Tổ chức công tác tiếp công dân theo quy định	02
3.1.4	Phân loại, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đúng thời gian quy định	01
3.1.5	Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền và khi được giao đúng quy định của pháp luật. Không có đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được tính bằng điểm chuẩn tối đa.	02
3.2	Thực hiện phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu	03
3.2.1	Thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng trong nội bộ cơ quan, đơn vị; tiếp nhận, xử lý các thông tin, báo cáo, phản ánh và tố giác, tố cáo về hành vi tham nhũng.	02
3.2.2	Thực hiện công tác tiết kiệm, chống lãng phí	01
II	CÁC TIÊU CHÍ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TRONG NĂM	43
1	Việc thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác hằng năm để thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao	13
1.1	Việc xây dựng các chương trình, kế hoạch công tác hằng năm để thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao	03
1.2	Mức độ hoàn thành các chương trình, kế hoạch công tác hằng năm	10
2	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; tham mưu đầy đủ, kịp thời cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các văn bản để chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở.	12

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
3	Kết quả đánh giá các chỉ số xếp hạng của đơn vị	18
3.1	Kết quả Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) được UBND tỉnh đánh giá trong năm. <i>Điểm đánh giá được tính theo công thức: (số điểm đạt được x 10)/100</i>	10
3.2	Xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị. <i>Điểm đánh giá được tính theo công thức: (số điểm đạt được x 4)/100</i>	04
3.3	Kết quả đánh giá chỉ số hài lòng của người dân (SIPAS): <i>Điểm đánh giá được tính theo công thức: (số điểm đạt được x 4)/100</i>	04
III	KẾT QUẢ KHẮC PHỤC NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM ĐÃ ĐƯỢC CHỈ RA	04
1	Việc đề ra các giải pháp khắc phục hạn chế, yếu kém được chỉ ra trong năm (<i>hạn chế, yếu kém đã được cấp có thẩm quyền kết luận hoặc tại các cuộc kiểm tra trong năm</i>)	02
2	Kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém được chỉ ra trong năm	02
IV	ĐIỂM CỘNG	06
1	Có thành tích xuất sắc, nổi bật trong việc tham mưu xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách, mô hình phát triển kinh tế - xã hội; giải quyết, hoàn thành các công việc trọng tâm, trọng điểm, công việc phát sinh, có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ghi nhận (mỗi công việc, nhiệm vụ được thưởng 01 điểm)	Không quá 03 điểm
2	Trong năm có đề tài, dự án khoa học công nghệ từ cấp tỉnh trở lên được UBND tỉnh phê duyệt nghiệm thu có khả năng triển khai ứng dụng hoặc được công nhận sáng kiến cấp tỉnh trở lên hoặc được cấp Bằng Lao động sáng tạo (mỗi đề tài, dự án, giải pháp, Bằng Lao động sáng tạo được cộng 0,5 điểm)	Không quá 01 điểm
3	Những trường hợp có thành tích nổi trội khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.	Không quá 02 điểm

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
	TỔNG CỘNG: I + II + III + IV = 100	
V	ĐIỂM TRỪ	
1	Tham mưu ban hành hoặc ban hành văn bản trái quy định, bị đình chỉ, bãi bỏ bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền, một văn bản trừ 01 điểm	
2	Có đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền mà không giải quyết trừ 01 điểm	
3	Có đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền có giải quyết nhưng giải quyết không kịp thời, không thỏa đáng dẫn đến đơn thư vượt cấp (trừ đơn, thư nặc danh) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo phản ánh, mỗi trường hợp trừ 01 điểm, đúng 01 phần trừ 0,5 điểm.	
4	Không tập trung giải quyết hoặc giải quyết không hiệu quả khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền, dẫn đến có khiếu nại, tố cáo kéo dài, đông người phải giải quyết nhiều lần, mỗi trường hợp trừ 02 điểm.	
5	Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền, mỗi trường hợp trừ 02 điểm.	
6	Trong cơ quan, đơn vị xảy ra các vụ việc tham ô, tham nhũng, có thành viên lãnh đạo trong cơ quan bị kỷ luật hoặc khởi tố; có vấn đề nổi cộm hoặc mất đoàn kết nội bộ khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền, bị hạ một bậc xếp loại.	
7	Bị Chủ tịch UBND tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền có văn bản phê bình, nhắc nhở trong việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, mỗi lần trừ 0,5 điểm	
8	Có công chức, người đứng đầu và cấp phó người đứng đầu của cơ quan đơn vị trực thuộc, công chức thuộc phạm vi quản lý trực tiếp của cơ quan, đơn vị vi phạm kỷ luật, bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên, mỗi trường hợp trừ 01 điểm.	
9	Có cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý bị khởi tố, bị trừ 03 điểm cho mỗi trường hợp.	
10	Những trường hợp khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (trừ không quá 02 điểm)	

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM ĐỐI VỚI UBND CẤP HUYỆN
(Kèm theo Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 của UBND tỉnh)

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
I	CÁC TIÊU CHÍ VỀ XÂY DỰNG TỔ CHỨC, TẬP THỂ	35
1	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác	12
1.1	Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; công tác phổ biến tuyên truyền pháp luật; kiểm tra rà soát các văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật	03
1.2	Thực hiện công tác quản lý quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn.	05
1.3	Chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo theo quy định hàng tháng, quý, 6 tháng, năm đúng thời gian quy định, chất lượng, đầy đủ thông tin.	04
2	Việc thực hiện nguyên tắc tổ chức, cơ chế quản lý theo quy định; các nội quy, quy chế và chế độ làm việc hiện hành	12
2.1	Thực hiện đúng Quy chế làm việc tại cơ quan, đơn vị	01
2.2	Thực hiện tốt công tác dân vận chính quyền và công tác dân chủ trong cơ quan nhà nước.	02
2.3	Thực hiện tốt Quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài chính, tài sản công	02
2.4	Thực hiện tốt Quy chế văn hóa công sở	01
2.5	Thực hiện tốt công tác thi đua - khen thưởng	02
2.6	Thực hiện tốt công tác văn thư - lưu trữ	02
2.7	Thực hiện việc áp dụng, duy trì Hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001	02
3	Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ và công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu.	11
3.1	Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ và công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo	08
3.1.1	Ban hành Kế hoạch và tổ chức thanh tra, kiểm tra theo đúng quy định. Tổ chức thực hiện và hoàn thành kế hoạch thanh tra,	02

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
	kiểm tra trong năm. Thực hiện công tác kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và có báo cáo kết quả xử lý những vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.	
3.1.2	Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra, kết luận đúng thời gian quy định.	01
3.1.3	Tổ chức công tác tiếp công dân theo quy định.	02
3.1.4	Phân loại, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đúng thời gian quy định	01
3.1.5	Giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền và khi được giao đúng quy định của pháp luật. Không có đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được tính bằng điểm chuẩn tối đa.	02
3.2	Thực hiện phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu	03
3.2.1	Thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng trong nội bộ cơ quan, đơn vị; tiếp nhận, xử lý các thông tin, báo cáo, phản ánh và tố giác, tố cáo về hành vi tham nhũng.	02
3.2.2	Thực hiện công tác tiết kiệm, chống lãng phí	01
II	CÁC TIÊU CHÍ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TRONG NĂM	54
1	Xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch công tác; thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	10
2	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng trên địa bàn huyện	22
2.1	Thực hiện tốt và hoàn thành các chỉ tiêu về phát triển kinh tế của huyện.	06
2.2	Thực hiện tốt và hoàn thành các chỉ tiêu về văn hóa xã hội của huyện.	06
2.3	Thực hiện tốt và hoàn thành các chỉ tiêu về quốc phòng an ninh của huyện.	04
2.4	Giải ngân thanh toán các nguồn vốn trong kế hoạch được giao	06
3	Kết quả đánh giá các chỉ số xếp hạng của đơn vị	22
3.1	Kết quả Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) được UBND tỉnh đánh giá trong năm. Điểm đánh giá được tính theo công thức: $(\text{số điểm đạt được} \times 10)/100$	10

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
3.2	Xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành của các cơ quan, đơn vị. Điểm đánh giá được tính theo công thức: $(\text{số điểm đạt được} \times 4)/100$	04
3.3	Kết quả đánh giá chỉ số hài lòng của người dân (SIPAS): Điểm đánh giá được tính theo công thức: $(\text{số điểm đạt được} \times 4)/100$	04
3.4	Kết quả đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện (DDCI): Điểm đánh giá được tính theo công thức: $(\text{số điểm đạt được} \times 4)/100$	04
III	KẾT QUẢ KHẮC PHỤC NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM ĐÃ ĐƯỢC CHỈ RA	04
1	Việc đề ra các giải pháp khắc phục hạn chế, yếu kém được chỉ ra trong năm (<i>hạn chế, yếu kém đã được cấp có thẩm quyền kết luận hoặc tại các cuộc kiểm tra trong năm</i>)	02
2	Kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém được chỉ ra trong năm	02
IV	ĐIỂM CỘNG	07
1	Các dự án thu hút đầu tư, giải phóng mặt bằng được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ghi nhận trong năm. Điểm đánh giá được tính theo công thức: $(\text{số dự án huyện thu hút trong năm} \times \text{điểm tối đa})/\text{số dự án của huyện thu hút cao nhất}$.	Không quá 03 điểm
2	Trong năm có đề tài, dự án khoa học công nghệ từ cấp tỉnh trở lên được UBND tỉnh phê duyệt nghiệm thu có khả năng triển khai ứng dụng hoặc được công nhận sáng kiến cấp tỉnh trở lên hoặc được cấp Bằng Lao động sáng tạo (mỗi đề tài, dự án, giải pháp, Bằng Lao động sáng tạo được cộng 0,5 điểm)	Không quá 01 điểm
3	Thu ngân sách trên địa bàn vượt kế hoạch UBND tỉnh giao đầu năm từ 20% trở lên được cộng thêm 01 điểm.	01 điểm
4	Những trường hợp có thành tích nổi trội khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.	Không quá 02 điểm
	TỔNG ĐIỂM: I + II + III + IV = 100	
V	ĐIỂM TRỪ	
1	Tham mưu ban hành hoặc ban hành văn bản trái quy định, bị đình chỉ, bãi bỏ bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền, một văn bản trừ 01 điểm.	

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
2	Có đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền mà không giải quyết bị trừ 01 điểm.	
3	Có đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền có giải quyết nhưng giải quyết không kịp thời, không thỏa đáng dẫn đến đơn thư vượt cấp (trừ đơn, thư nặc danh) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo phản ánh, mỗi trường hợp trừ 01 điểm, đúng 01 phần trừ 0,5 điểm.	
4	Không tập trung giải quyết hoặc giải quyết không hiệu quả khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền, dẫn đến có khiếu nại, tố cáo kéo dài, đông người phải giải quyết nhiều lần, mỗi trường hợp trừ 02 điểm.	
5	Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền, mỗi trường hợp trừ 02 điểm.	
6	Trong cơ quan, đơn vị xảy ra các vụ việc tham ô, tham nhũng, có thành viên lãnh đạo trong cơ quan bị kỷ luật hoặc khởi tố; có vấn đề nổi cộm hoặc mất đoàn kết nội bộ khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền, bị hạ một bậc xếp loại.	
7	Bị Chủ tịch UBND tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền có văn bản phê bình, nhắc nhở trong việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, mỗi lần trừ 0,5 điểm.	
8	Công chức, người đứng đầu và cấp phó người đứng đầu của cơ quan, đơn vị trực thuộc, công chức thuộc phạm vi quản lý trực tiếp của cơ quan, đơn vị vi phạm kỷ luật, bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên, mỗi trường hợp trừ 01 điểm.	
9	Có cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý bị khởi tố, bị trừ 03 điểm cho mỗi trường hợp.	
10	Những trường hợp khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (trừ không quá 02 điểm).	

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM
CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC UBND TỈNH
(Kèm theo Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 của UBND tỉnh)

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
I	VIỆC THỰC HIỆN CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN	45
1	Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy định của UBND tỉnh, đề án, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực	10
1.1	Thực hiện các văn bản pháp luật, quy định của UBND tỉnh, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực	05
1.2	Thực hiện và hoàn thành kế hoạch được giao về tự chủ, tự chịu trách nhiệm về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính trong năm	05
2	Xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thành kế hoạch hàng năm về thực hiện nhiệm vụ	10
2.1	Xây dựng kế hoạch hàng năm để tổ chức thực hiện nhiệm vụ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập từng thời kỳ, giai đoạn	05
2.2	Tổ chức thực hiện và hoàn thành kế hoạch hàng năm được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt	05
3	Thực hiện các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao ngoài nhiệm vụ thường xuyên <i>(tính theo tỷ lệ công việc thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ so với tổng số công việc được giao trong năm)</i>	10
4	Tổ chức thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp tỉnh trở lên; các dự án đầu tư sản xuất, cung ứng dịch vụ công	05
5	Chấp hành chế độ, chính sách pháp luật về: thuế, phí và các khoản thu nộp ngân sách, bảo hiểm, bảo vệ môi trường, lao động, tiền lương, chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán <i>(có báo cáo chuyên đề)</i>	05
6	Thực hiện tốt sự phối hợp với các cơ quan, đơn vị và tổ chức liên quan trong các hoạt động phục vụ quản lý nhà nước	05

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
II	CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO	08
1	Tổ chức việc tự kiểm tra theo quy định của pháp luật; thực hiện kết luận kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền	04
2	Giải quyết kịp thời, đúng quy định pháp luật đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền được giao. Không có đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được tính điểm tối đa	04
III	THỰC HIỆN QUY ĐỊNH CỦA ĐẢNG, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VỀ XÂY DỰNG ĐƠN VỊ	40
1	Đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành nâng cao hiệu quả công tác, nâng cao năng suất lao động.	05
2	Thực hiện công tác rà soát tổ chức, tinh giản biên chế và công tác cán bộ	05
3	Thực hiện công tác tuyển dụng, quản lý, bố trí, sử dụng đúng quy định của pháp luật, của UBND tỉnh; thực hiện tốt công tác đào tạo nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đáp ứng thực hiện tốt yêu cầu nhiệm vụ được giao	05
4	Thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng trong nội bộ cơ quan, đơn vị; tiếp nhận, xử lý các thông tin, báo cáo, phản ánh và tố giác, tố cáo về hành vi tham nhũng	03
5	Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác quản lý tài chính, tài sản công, chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo quy định	05
6	Thực hiện công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật của Đảng, Nhà nước và của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh	03
7	Thực hiện tốt công tác dân chủ	02
8	Thực hiện tốt Quy chế văn hóa công sở	01
9	Thực hiện tốt công tác thi đua - khen thưởng	04
10	Thực hiện tốt công tác văn thư - lưu trữ	04

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
11	Việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành hoạt động thực hiện nhiệm vụ như: sử dụng phần mềm quản lý văn bản, thư điện tử công vụ và có sử dụng thêm từ 02 phần mềm chuyên ngành trở lên	03
IV	ĐIỂM CỘNG	07
1	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập (<i>ISO, 5S, IEC 17025, HACCP Hệ thống đảm bảo chất lượng trong giáo dục</i>) được chứng nhận bởi đơn vị có thẩm quyền	Không quá 02 điểm
2	Các đơn vị sự nghiệp công lập có thành tích xuất sắc, nổi bật trong việc phục vụ công tác quản lý nhà nước; trong năm có đề tài, dự án khoa học công nghệ từ cấp tỉnh trở lên được UBND tỉnh phê duyệt nghiệm thu có khả năng triển khai ứng dụng hoặc được công nhận sáng kiến cấp tỉnh trở lên hoặc được cấp Bằng Lao động sáng tạo (<i>mỗi đề tài, dự án, giải pháp, Bằng Lao động sáng tạo được cộng 0,5 điểm</i>)	Không quá 01 điểm
3	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin như: Sử dụng chữ ký số và có Trang Thông tin điện tử của đơn vị và thường xuyên cung cấp thông tin.	02 điểm
4	Những trường hợp khác do Hội đồng đánh giá xem xét, quyết định	Không quá 02 điểm
	TỔNG ĐIỂM: I + II + III + IV = 100	
V	ĐIỂM TRỪ	
1	Có đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền mà không giải quyết hoặc giải quyết không kịp thời, không thỏa đáng dẫn đến đơn thư vượt cấp (<i>trừ đơn, thư nặc danh</i>) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo phản ánh, mỗi trường hợp trừ 01 điểm, đúng 01 phần thì trừ 0,5 điểm	
2	Cơ quan, đơn vị xảy ra các vụ việc tham ô, tham nhũng, có thành viên lãnh đạo trong đơn vị trong năm bị kỷ luật hoặc khởi tố; có vấn đề nổi cộm hoặc mất đoàn kết nội bộ khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền, bị hạ 01 bậc xếp loại	

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
3	Có công chức, viên chức vi phạm kỷ luật, bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên, mỗi trường hợp trừ 01 điểm	
4	Có công chức, viên chức bị khởi tố trừ 03 điểm cho mỗi trường hợp	
5	Những trường hợp khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (<i>trừ không quá 02 điểm</i>)	

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM ĐỐI VỚI CÁC HỘI*(Kèm theo Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 của UBND tỉnh)*

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
I	KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN	50
1	Thực hiện các văn bản pháp luật, quy định của UBND tỉnh, điều lệ Hội, phương hướng phát triển về lĩnh vực Hội hoạt động.	05
2	Thực hiện việc tự nguyện, tự quản, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng công khai, minh bạch trong Hội.	10
3	Xây dựng kế hoạch hàng năm để tổ chức và hoạt động phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Hội.	10
4	Mức độ thực hiện và hoàn thành Kế hoạch của Hội hàng năm.	10
5	Thực hiện nghiêm túc, chấp hành đầy đủ các chế độ thông tin báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước theo đúng thời gian quy định.	05
6	Thực hiện sự phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực Hội hoạt động	10
II	VIỆC GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO	08
	Giải quyết đúng quy định của pháp luật về đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Hội <i>(tính theo tỷ lệ đơn thư khiếu nại, tố cáo được giải quyết đúng quy định của pháp luật trên tổng số đơn, thư trong năm)</i> . Không có đơn, thư khiếu nại, tố cáo được tính điểm tối đa).	08
III	THỰC HIỆN QUY ĐỊNH CỦA ĐẢNG, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG HỘI	35
1	Thực hiện công tác tuyển dụng, quản lý, bố trí, sử dụng người làm việc đúng quy định của pháp luật, của UBND tỉnh; thực hiện tốt công tác đào tạo nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ cho người làm việc đáp ứng thực hiện tốt yêu cầu nhiệm vụ của Hội.	08
2	Thực hiện công tác văn thư - lưu trữ	05
3	Thực hiện công tác thi đua - khen thưởng theo đúng quy định	05
4	Thực hiện quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội	03
5	Thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng trong nội bộ tại Hội; tiếp nhận, xử lý các thông tin, báo cáo, phản	05

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
	ánh và tố giác, tố cáo về hành vi tham nhũng	
6	Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác quản lý tài chính, tài sản công tại Hội	06
7	Thực hiện công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật	03
IV	ĐIỂM CỘNG	07
1	Trong năm có đề tài, dự án khoa học công nghệ từ cấp tỉnh trở lên được UBND tỉnh phê duyệt nghiệm thu có khả năng triển khai ứng dụng hoặc được công nhận sáng kiến cấp tỉnh trở lên hoặc được cấp Bằng Lao động sáng tạo (<i>mỗi đề tài, dự án, giải pháp, Bằng Lao động sáng tạo được cộng 0,5 điểm</i>)	Không quá 01 điểm
2	Hoàn thành nhiệm vụ được Tỉnh ủy, UBND tỉnh đặt hàng đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng	02 điểm
3	Việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành hoạt động thực hiện nhiệm vụ	02 điểm
4	Những trường hợp khác do Hội đồng đánh giá xem xét, quyết định	Không quá 02 điểm
	TỔNG ĐIỂM: I + II + III + IV = 100	
5	ĐIỂM TRỪ	
1	Có đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền mà không giải quyết hoặc giải quyết không kịp thời, không thỏa đáng dẫn đến đơn thư vượt cấp (trừ đơn, thư nặc danh) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo phản ánh, mỗi trường hợp trừ 01 điểm, đúng 01 phần thì trừ 0,5 điểm.	
2	Cơ quan, đơn vị xảy ra các vụ việc tham ô, tham nhũng, có thành viên lãnh đạo trong cơ quan trong năm bị kỷ luật hoặc khởi tố; có vấn đề nổi cộm hoặc mất đoàn kết nội bộ khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền, bị hạ 01 bậc xếp loại.	
3	Có công chức, viên chức vi phạm kỷ luật, bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên, mỗi trường hợp trừ 01 điểm.	
4	Có công chức, viên chức bị khởi tố, trừ 03 điểm cho mỗi trường hợp.	
5	Những trường hợp khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (trừ không quá 02 điểm).	

Số: 1603/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 31 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt Phương án Ứng phó mưa lớn,
lũ quét, lũ lụt, sạt lở đất, đá trên địa bàn tỉnh Sơn La**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Theo đề nghị của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh tại Tờ trình số 21/TTr- PCTT ngày 29 tháng 7 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án ứng phó mưa lớn, lũ quét, lũ lụt, sạt lở đất, đá trên địa bàn tỉnh Sơn La (có Phương án kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban ngành thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai tỉnh; Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo TW về PCTT;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thành viên BCH PCTT & TKCN tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các sở, ban, ngành;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, *Mạnh-KT*, 13 bản.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lò Minh Hùng

PHƯƠNG ÁN

Ứng phó với mưa lớn, lũ quét, lũ lụt, sạt lở đất, đá trên địa bàn tỉnh Sơn La
(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND tỉnh)

Trên địa bàn tỉnh Sơn La, những năm gần đây thiên tai xảy ra phức tạp, cực đoan, khó lường: Những đợt mưa to trên diện rộng nhiều ngày, những trận mưa lớn trong nhiều giờ, những cơn mưa lớn kèm theo dông lốc bất chợt tập trung cục bộ với cường độ mạnh chưa từng có; xảy ra lũ quét, sạt lở đất, đá mang tính lịch sử, gia tăng cấp độ trên nhiều địa bàn; xuất hiện lũ lụt phi truyền thống và ở những nơi chưa từng xảy gia; nhiều nơi ở của cộng đồng, người dân từ bao đời nay sinh sống ổn định an toàn, hiện nay đã nằm trong vùng nguy cơ cao xảy ra lũ quét, lũ lụt, sạt lở đất, đá...Thiên tai mưa, lũ hàng năm đã gây thiệt hại lớn về người, tài sản và sản xuất, hậu quả ngày càng nghiêm trọng hơn.

Để ứng phó hiệu quả với thiên tai trong mùa mưa lũ, Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La ban hành Phương án Ứng phó với mưa lớn, lũ quét, lũ lụt, sạt lở đất, đá trên địa bàn tỉnh Sơn La với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

- Chủ động, kịp thời ứng phó hiệu quả với các tình huống thiên tai cực đoan, khó lường xảy ra mưa lớn, lũ quét, lũ lụt, sạt lở đất, đá trên địa bàn tỉnh, để giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra trong mùa mưa lũ.

- Nâng cao hiệu quả trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành ở các cấp, các ngành trong phòng ngừa thảm họa thiên tai, ứng phó các tình huống cấp bách, xử lý các sự cố bất thường do thiên tai gây ra trong mùa mưa lũ.

- Nâng cao nhận thức cộng đồng và người dân chủ động, thích ứng các biện pháp phòng tránh, ứng phó hiệu quả với mưa lớn, lũ quét, lũ lụt, sạt lở đất, đá trước diễn biến thời tiết, thủy văn và thiên tai ngày càng phức tạp, khó lường trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Trước mùa mưa lũ các cấp, các ngành bổ sung phương án ứng phó với mưa lớn, lũ quét, lũ lụt, sạt lở đất, đá trong Phương án Ứng phó thiên tai hàng năm. Đảm bảo sẵn sàng lực lượng, phương tiện, vật tư thực hiện phương châm “bốn tại chỗ” để chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khẩn trương và hiệu quả khi xảy ra mưa lớn, lũ quét, lũ lụt, sạt lở đất, đá gây các hình thái thiên tai nguy hiểm và tình trạng khẩn cấp.

~~Cộng đồng và người dân chủ động, tự giác theo dõi chặt chẽ diễn biến~~
thời tiết và thiên tai, chấp hành nghiêm túc các quy định, hướng dẫn của chính quyền, cơ quan chức năng trong phòng, tránh, ứng phó và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

II. NỘI DUNG BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ

1. Hàng năm trước mùa mưa lũ các cấp, các ngành bổ sung phương án ứng phó với mưa lớn, lũ quét, lũ lụt, sạt lở đất, đá trên địa bàn, lĩnh vực quản lý. Sẵn sàng lực lượng, phương tiện, vật tư ứng phó các tình huống thiên tai cực đoan, bất thường xảy ra.

2. Nhiệm vụ trọng tâm ứng phó mưa lớn, lũ quét, lũ lụt, sạt lở đất, đá trong mùa mưa lũ

Trên cơ sở nội dung Phương án Ứng phó thiên tai hàng năm đã được UBND tỉnh phê duyệt (*tại Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh*). Các cấp, các ngành bổ sung phương án ứng phó với mưa lớn, lũ quét, lũ lụt, sạt lở đất, đá trong mùa mưa lũ những nội dung cụ thể như sau:

2.1. Trong mùa mưa lũ các cấp, các ngành tăng cường chỉ đạo

- Thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị, văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (PCTT&TKCN) tỉnh về công tác Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2020; đặc biệt trong những tháng cao điểm của mùa mưa lũ, kịp thời nắm bắt diễn biến các hình thái thời tiết, thiên tai nguy hiểm (*mưa to dài ngày, mưa lớn trong nhiều giờ, xuất hiện lũ trên các sông, suối, khe suối, các vùng có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất, đá...*) trên địa bàn, lĩnh vực quản lý để kịp thời phòng tránh, ứng phó.

- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng phòng tránh, ứng phó với thiên tai, đặc biệt ở các khu vực xung yếu, vùng thường xuyên, nguy cơ cao mưa lớn, lũ quét, lũ lụt, sạt lở đất, đá.

- Kiểm tra, rà soát bổ sung lực lượng, phương tiện, vật tư đảm bảo hiệp đồng chặt chẽ, ứng phó kịp thời, khẩn trương và hiệu quả khi xảy ra mưa lớn, lũ quét, lũ lụt, sạt lở đất, đá; sẵn sàng ứng phó trong trạng khẩn cấp, chỉ viện địa bàn khác khi có yêu cầu. Dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm thiết yếu phòng chống thiên tai trong mùa mưa lũ.

- Đảm bảo hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, dự báo, cảnh báo thiên tai thông suốt từ tỉnh đến huyện, xã, cấp thôn bản; thông tin, truyền tin kịp thời đến cộng đồng và người dân để chủ động phòng tránh, ứng phó hiệu quả.

- Kiểm tra việc bảo đảm an toàn cho nhân dân vùng ven sông, suối, khe rạch, vùng thấp trũng, vùng nguy cơ ngập lụt, cuốn trôi, sạt lở đất, đá mạnh, chủ động phương án di chuyển, sơ tán để bảo đảm an toàn.

~~Các địa bàn cơ sở tại các xã, bản thường xuyên tổ chức kiểm tra, tuần tra~~
 các lưu vực, khe suối thượng nguồn chủ động khơi thông, thanh thải cây cành, vật nổi, sa bồi, tích tụ tạo thành những bờ ngăn tích lũ, dồn lũ, vỡ bờ xảy ra lũ ống, lũ quét bất ngờ, nguy hiểm đến vùng hạ du; phát hiện các vết nứt, cung trượt trên triền núi, sườn đồi thung thung lũng chủ động phòng tránh sạt lở đất, đá, đá lăn.

- Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quy trình, phương án bảo đảm an toàn cho các đập, hồ chứa, vùng hạ du công trình thủy lợi, thủy điện; các tuyến đường giao thông sung yếu; an toàn lưới điện; an toàn về người và tài sản các công trình đang thi công xây dựng trong mùa mưa lũ.

- Tổ chức trực ban nghiêm túc 24/24 giờ, cập nhật thông tin đầy đủ, kịp thời, phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và cảnh báo thiên tai.

- Chủ động nguồn lực tài chính phục vụ xử lý ngay từ giờ đầu xảy ra các tình huống, sự cố thiên tai bất ngờ, bất thường.

2.2. Chuẩn bị ứng phó với hình thế thời tiết, thiên tai nguy hiểm, mưa to nhiều ngày trên diện rộng

a). Đối với chính quyền các cấp

- Chỉ đạo việc tổ chức trực ban 24/24 giờ để theo dõi sát diễn biến, nắm bắt tình hình mưa, lũ; bố trí lãnh đạo thường trực, theo dõi và chỉ đạo công tác đối phó với mưa, lũ, thường xuyên báo cáo tình hình về mưa, lũ các sự cố thiên tai tại địa phương - kịp thời ban hành Công điện, văn bản chỉ đạo phòng tránh mưa lũ. Tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai ứng phó và tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra đến cấp có thẩm quyền.

- Chỉ đạo, kiểm tra kết quả thực hiện việc bảo đảm an toàn cho nhân dân vùng ven sông, suối, khe lạch, vùng thấp trũng, vùng nguy cơ ngập lụt, cuốn trôi, sạt lở đất, đá mạnh, chủ động sơ tán để bảo đảm an toàn.

- Kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố công trình phòng, chống thiên tai, công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng.

- Bảo đảm thông tin liên lạc, giao thông thông xuất, hệ thống truyền tải điện, cấp nước sinh hoạt đáp ứng yêu cầu chỉ đạo điều hành, ứng phó thiên tai.

- Sẵn sàng thực hiện phương án đối phó với lũ, lụt theo phương châm 4 tại chỗ: Chỉ huy tại chỗ; Lực lượng tại chỗ; Vật tư, phương tiện tại chỗ; hậu cần tại chỗ. Điều động lực lượng, phương tiện, vật tư để đối phó.

- Chủ động Kế hoạch, Phương án sơ tán dân vùng ven sông, suối, khe lạch, vùng thấp trũng, vùng nguy cơ ngập lụt, cuốn trôi, sạt lở đất, đá mạnh; thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn đối với nhà cửa, tài sản, công trình hạ tầng.

- Bố trí lực lượng ứng trực tại các đoạn đường bị ngập, ngầm tràn chảy xiết, những điểm sạt lở đất, đá để giám sát và hướng dẫn người, phương tiện qua lại để đảm bảo an toàn. Ngăn cấm người dân tham gia các hoạt động đánh bắt thủy sản, vớt củi, đi lại qua sông, suối.

~~Chỉ đạo thực hiện biện pháp bảo vệ sản xuất phòng tránh thiệt hại do~~
mưa lũ.

- Chỉ đạo Đài Phát thanh và Truyền hình, hệ thống truyền thanh địa phương, các phương tiện thông tin truyền thông đưa tin kịp thời về diễn biến thời tiết, tình hình thiên tai mưa, lũ và công tác chỉ đạo; tăng cường tuyên truyền phổ biến kiến thức, kỹ năng phòng tránh, ứng phó với thiên tai mưa lũ.

- Tổng hợp, báo cáo đến cơ quan cấp trên về diễn biến mưa, lũ, lụt, tình hình đề điều và kết quả triển khai đối phó.

b). Đối với cộng đồng

- Theo dõi thông tin mưa, lũ và sự chỉ đạo của chính quyền qua đài phát thanh, truyền hình, các phương tiện thông tin truyền thông và hệ thống truyền thanh xã, phường, thông tin phổ biến của cấp quản lý thôn, bản, tiểu khu.

- Thực hiện kế hoạch theo dõi, tuần tra, kiểm tra theo sự phân công của chính quyền địa phương.

- Đối với nhân dân vùng ven sông, suối, khe suối, vùng thấp trũng, vùng nguy cơ ngập lụt, cuốn trôi, sạt lở đất, đá mạnh, chủ động sơ tán để bảo đảm an toàn.

- Sẵn sàng phương tiện, thiết bị, công cụ ứng phó với mưa, lũ, đảm bảo an toàn về người và tài sản. Chủ động dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm.

- Tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan chức năng trong các hoạt động sinh hoạt và sản xuất tại các khu vực không an toàn; không tham gia hoạt động đánh bắt thủy sản, đi lại qua sông, suối, khe suối, cầu tạm, khu vực sạt lở đất, đá khi mưa lũ.

- Chủ động kế hoạch thu hoạch lúa, hoa màu, bảo vệ vật nuôi, khu nuôi trồng thủy sản phòng tránh thiệt hại do mưa lũ. Dừng hoạt động sản xuất khi thấy không an toàn trong mưa, lũ.

- Kiểm tra thiết bị điện trong nhà, di dời các hoá chất, thuốc trừ sâu ra khỏi nơi có nguy cơ bị ngập;

- Báo cáo với chính quyền địa phương khi phát hiện thấy những sự cố bất lợi, nguy hiểm do lũ, lụt, sạt lở đất, đá.

2.3. Tổ chức ứng phó khi có mưa lớn, xảy ra lũ lụt, sạt lở đất, đá

a). Đối với chính quyền các cấp

- Tăng cường lực lượng trực ban 24/24 giờ, bố trí lãnh đạo chủ chốt thường trực để xử lý các tình huống - ban hành công điện, văn bản chỉ đạo triển khai các phương án, biện pháp ứng phó kịp thời; thường xuyên báo cáo trên và cấp có thẩm quyền.

Đặc biệt tại địa bàn cơ sở từ cấp xã đến cấp thôn bản tổ chức thường trực theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, thủy văn, tình hình thiên tai, nắm bắt thông tin chỉ đạo điều hành, kịp thời thông báo, cảnh báo, phổ biến đến cộng đồng và người dân để chủ động phòng tránh ứng phó.

~~Tăng cường cán bộ, phân công nhiệm vụ cụ thể xuống các địa bàn cơ sở trực tiếp chỉ đạo ứng phó thiên tai, xác định rõ các khu vực trọng điểm xung yếu bị chia cắt cô lập, ngập sâu, khu dân cư ven sông, suối, khe suối, vùng thấp trũng, vùng nguy cơ ngập lụt, cuốn trôi, sạt lở đất, đá mạnh, công trình nguy cơ mất an toàn, tập trung các biện pháp xử lý kịp thời đảm bảo phòng, tránh an toàn với lũ cuốn trôi, ngập lụt, sạt lở đất, đá, đá lăn. Thông tin, phối hợp hiệp đồng kịp thời, hiệu quả ở mỗi địa bàn, lĩnh vực.~~

- Chỉ huy, điều hành ứng phó với mưa lớn, lũ lụt, sạt lở đất, đá phải kịp thời, kiên quyết, khẩn trương; tăng cường sự chỉ đạo trực tiếp của cấp uỷ và chính quyền các cấp, kịp thời huy động các nguồn lực các lực lượng vũ trang, lực lượng xung kích và sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị trong ứng phó và khắc phục hậu quả.

- Huy động khẩn cấp lực lượng, phương tiện, vật tư tổ chức thực hiện phương án ứng phó với mưa, lũ lụt, sạt lở đất, đá theo phương châm 4 tại chỗ. Lực lượng nòng cốt là Quân đội, Công an, Bộ đội Biên Phòng, Đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã, triển khai các phương án bảo đảm an toàn khu dân cư, an toàn công trình, tham gia cứu hộ, tìm kiếm cứu nạn, sơ tán di chuyển người và tài sản, cứu chữa người bị nạn, đảm bảo lực lượng chi viện khi có yêu cầu. Ứng trực xử lý tình huống, sự cố trên các tuyến đường giao thông sung yếu, các đập, hồ chứa, đường dây tải điện, thông tin liên lạc, viễn thông, chống úng ngập đô thị, bảo vệ sản xuất...

- Thực hiện sơ tán di dời dân vùng nguy hiểm do lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, đá, đá lăn đến nơi an toàn.

- Thực hiện các hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương, kịp thời cứu trợ đồ ăn, nước uống, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân vùng bị thiệt hại và nơi tạm cư sơ tán.

- Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn đối với nhà cửa, công sở, trường học, kho tàng, công trình và cơ sở kinh tế, an ninh, quốc phòng, bảo vệ sản xuất.

- Giữ vững thông tin liên lạc thông xuất phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, phối hợp hiệp đồng ứng phó; thông tin báo cáo kịp thời, thường xuyên về diễn biến, các tình huống, sự cố thiên tai và thiệt hại đến các cấp có thẩm quyền để chỉ đạo.

- Thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh trật tự, bảo vệ tài sản của nhà nước và nhân dân, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm cần thiết tại khu vực bị chia cắt và điểm sơ tán.

- Cắm mốc chỉ giới, biển báo, bố trí lực lượng ứng trực, canh gác, hướng dẫn người, phương tiện qua lại ở những đoạn đường bị ngập và những nơi có dòng chảy xiết, điểm sạt lở đất, đá, đá lăn.

Ngăn cấm người dân đánh bắt thủy sản, đi lại qua sông, suối, vớt củi, đơn phương tự ý cứu vớt tài, sản hoa màu trong cơn lũ.

~~- Đài Phát thanh và Truyền hình, hệ thống truyền thanh địa phương, các~~
phương tiện thông tin truyền thông tăng cường thời lượng đưa tin kịp thời các bản tin cảnh báo thiên tai, công tác chỉ đạo điều hành, tình hình thiên tai mưa, lũ; phổ biến kiến thức, các hoạt động tổ chức ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai mưa, lũ.

- Thống kê thiệt hại, tổng hợp tình hình, báo cáo kịp thời đến cơ quan cấp trên, cấp có thẩm quyền về diễn biến mưa, lũ, tình hình thiệt hại và kết quả triển khai đối phó.

b). Đối với cộng đồng

- Thường xuyên cập nhật thông tin mưa, lũ, sạt lở đất, đá và sự chỉ đạo của chính quyền qua đài phát thanh, truyền hình và hệ thống truyền thanh xã, phường; thông tin phổ biến của cấp quản lý thôn, bản, tiểu khu để ứng phó các dạng thiên tai kịp thời, an toàn và hiệu quả. Đề cao cảnh giác thiên tai lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, đá, đá lăn xảy ra bất ngờ, bất thường.

- Triển khai các hoạt động phương tiện, thiết bị, vật tư ứng phó với lũ, các biện pháp bảo đảm an toàn về người và tài sản. Chủ động sơ tán phòng tránh thiệt hại do lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, đá, đá lăn và chấp hành chỉ đạo của chính quyền, cơ quan chức năng tại địa phương.

- Báo cáo ngay với chính quyền địa phương khi phát hiện thấy những sự cố bất lợi, nguy hiểm do lũ, lụt, sạt lở đất, đá, đá lăn, các sự cố tai nạn, sự cố công trình...

- Tham gia và chấp hành sự chỉ đạo của chính quyền trong việc huy động nhân lực, vật tư, phương tiện để ứng cứu, cứu hộ, cứu nạn theo sự phân công của chính quyền, lực lượng chức năng.

- Dừng hoạt động sản xuất khi đang có lũ, tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan chức năng.

- Không đánh bắt thủy sản, đi lại qua sông, suối, vớt củi, đơn phương tự ý cứu vớt tài, sản hoa màu trong cơn lũ; không đi qua các khu vực nước lũ chảy xiết, vùng sạt lở đất, đá, đá lăn, cầu tạm, khe suối khi có mưa lớn, xuất hiện lũ.

- Chủ động cho con em nghỉ học khi thấy không an toàn với mưa lớn, lũ cuốn trôi, ngập lụt, sạt lở đất, đá, đá lăn trên đường tới trường và điểm trường học.

- Chấp hành và chỉ dẫn, ngăn chặn người, phương tiện né tránh, không đi vào các khu vực biển báo, biển cấm, vùng nguy hiểm, xung yếu hoặc đang có sự cố mất an toàn.

2.4. Khắc phục hậu quả

- Khẩn trương tìm kiếm người mất tích, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ, giúp đỡ các gia đình nạn nhân.

- Bảo vệ an ninh trật tự và tài sản của người dân nơi sơ tán, khu vực dân cư bị thiệt hại.

~~Hỗ trợ, trợ giúp lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm thiết yếu, nước~~
sạch đảm bảo điều kiện sinh hoạt, đời sống và hỗ trợ tâm lý để ổn định đời sống của người dân vùng thiên tai.

- Khôi phục nhà cửa, tiêu độc khử trùng, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh; khắc phục công trình thiết yếu phục vụ đời sống sinh hoạt (*hệ thống điện, nước, công trình giao thông, thông tin liên lạc...*), khôi phục sản xuất, kinh doanh, khắc phục công trình công cộng, cơ sở hạ tầng.

- Kịp thời tổ chức thống kê, đánh giá thiệt hại theo quy định, nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ, đề xuất biện pháp, phương án khắc phục hậu quả, báo cáo cấp trên và cấp có thẩm quyền.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và phân công trách nhiệm trong Phương án Ứng phó thiên tai hàng năm đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2020. Các cấp, các ngành tập trung nguồn lực, đề cao trách nhiệm triển khai phương án, thực hiện các biện pháp ứng phó với mưa lớn, lũ quét, lũ lụt, sạt lở đất, đá trên địa bàn, lĩnh vực quản lý.

Khi có hình thế thời tiết, thiên tai nguy hiểm, mưa to nhiều ngày trên diện rộng, xảy ra mưa lớn, lũ quét, lũ lụt, sạt lở đất, đá tăng cường sự chỉ đạo trực tiếp của cấp uỷ và chính quyền các cấp và sự vào cuộc quyết liệt của toàn hệ thống chính trị; chỉ huy, điều hành ứng phó phải kịp thời, kiên quyết, khẩn trương, thống nhất; kịp thời huy động các nguồn lực, hiệp đồng chặt chẽ các lực lượng ứng phó và khắc phục hậu quả.

2. Trên cơ sở dữ liệu thống kê, dự báo những vùng sung yếu xảy ra lũ quét, sạt lở đất, đá, ngập lụt trong Phương án Ứng phó thiên tai trong năm đã được UBND tỉnh phê duyệt (*Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 đính kèm*), trong mùa mưa lũ các sở, ban ngành, các huyện, thành phố, các đơn vị, địa bàn cơ sở tập trung rà soát, bổ sung phương án ứng phó với tình hình thực tế phát sinh; cảnh giác với các dạng thiên tai mưa lớn, lũ quét, sạt lở đất, đá thường xảy ra bất ngờ, bất kỳ, phi truyền thống để chủ động ứng phó kịp thời khi thiên tai xảy ra trong mùa mưa lũ.

3. Căn cứ lực lượng, phương tiện, thiết bị, vật tư dự kiến trong Phương án Ứng phó thiên tai trong năm đã được UBND tỉnh phê duyệt (*Phụ lục số 03, Phụ lục số 04 đính kèm*) các sở, ban ngành, các huyện, thành phố, các đơn vị, địa bàn cơ sở tập trung rà soát, củng cố, bổ sung, lập Kế hoạch, Phương án chủ động, sẵn sàng lực lượng, phương tiện, thiết bị, vật tư trong trường hợp huy động khẩn cấp, ứng phó các tình huống bất ngờ xảy ra mưa lớn, lũ lụt, sạt lở đất, đá; sẵn sàng chi viện khi có yêu cầu.

4. Trách nhiệm một số ngành, lĩnh vực, các cơ quan, đơn vị trong tuyến đầu chuẩn bị ứng phó với hình thế thời tiết, thiên tai nguy hiểm và ứng phó ngay từ giờ đầu khi xảy ra thiên tai:

(1). Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh

Tổ chức thường trực, trực ban Phòng chống bão lũ 24/24 giờ theo quy định, theo dõi sát diễn biến thời tiết, các tình huống, sự cố thiên tai xảy ra. Kịp thời báo cáo, tham mưu cho Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh thực hiện Công điện, nội dung chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Phòng, chống thiên tai Trung ương, ban hành những văn bản chỉ đạo các ngành, các huyện, đơn vị cơ sở chủ động phòng tránh, đối phó kịp thời khi mưa lũ và thiên tai xảy ra.

Cập nhật thông tin dự báo, cảnh báo tình hình diễn biến thời tiết, thủy văn và thiên tai từ Trung ương, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Tây Bắc; các nội dung chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh phối hợp với các cơ quan thông tin truyền thông kịp thời thông báo cho các tổ chức, nhân dân biết, triển khai nội dung chỉ đạo điều hành để chủ động phòng tránh, ứng phó hiệu quả.

(2). Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Tây Bắc

Chủ động cảnh báo sớm kịp thời cung cấp đầy đủ thông tin, dự báo, cảnh báo tình hình diễn biến thời tiết, thủy văn và thiên tai về cấp độ và phạm vi ảnh hưởng tới Văn phòng Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh, các sở ngành chức năng, Huyện uỷ, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan thông tin truyền thông để thông báo cho các tổ chức, nhân dân biết chủ động phòng tránh, ứng phó.

(3). Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

Tăng cường thời lượng đưa tin kịp thời các bản tin về diễn biến thời tiết, tình hình thiên tai mưa, lũ, cảnh báo thiên tai, các Công điện, văn bản chỉ đạo, công tác chỉ đạo điều hành ứng phó; tuyên truyền, phổ biến các hoạt động phòng tránh, tổ chức ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai mưa, lũ.

(4). Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

Chủ động sẵn sàng lực lượng, phương tiện cứu nạn, cứu hộ, sơ tán người và tài sản, hỗ trợ chi viện khi có yêu cầu; phối hợp, hiệp đồng ứng phó hiệu quả các tình huống thiên tai; triển khai các biện pháp bảo vệ công trình trọng điểm, bảo vệ an ninh trật tự an toàn xã hội, an ninh, quốc phòng.

(5). Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương

Tăng cường chỉ đạo kiểm tra, triển khai các phương án bảo vệ an toàn hồ, đập và vùng hạ du công trình thủy lợi, thủy điện; các phương án bảo vệ sản xuất, hỗ trợ lương thực hàng hoá, vật tư, nhu yếu phẩm cần thiết.

(6). Sở Giao thông Vận tải

Tập trung chỉ đạo rà soát, kiểm tra các tuyến đường, cầu cống, ngầm tràn sung yếu; sẵn sàng lực lượng, phương tiện, vật tư, vật liệu ứng phó mưa, lũ, sạt lở đất, đá ngập úng; phương tiện vận tải, phương tiện cơ giới tham gia ứng cứu khi có yêu cầu; phối hợp lực lượng Công an hướng dẫn, phân luồng giao thông tại các khu vực, tuyến đường nguy hiểm bị sạt lở đất, đá, chảy xiết, ngập sâu; triển khai phương án ứng phó khắc phục hậu quả mưa lũ đảm bảo an toàn giao

~~thông thông suốt, phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn, cứu trợ, cung ứng các dịch vụ cần thiết cho khu vực bị lũ lụt, sạt lở đất, đá, ngập úng.~~

(7). Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc bảo đảm thông tin liên lạc, thông tin truyền thông thông suốt, an toàn hệ thống mạng điện tử phục vụ các hoạt động chỉ đạo điều hành, xử lý tình huống.

(8). Sở Y tế, Trung tâm Y tế dự phòng

Chủ động lực lượng y - bác sỹ, sẵn sàng các đội cấp cứu, chuẩn bị đủ cơ sở thuốc, phương tiện, vật tư, thiết bị cần thiết để đáp ứng nhu cầu cứu thương và khắc phục hậu quả, xử lý môi trường vệ sinh dịch tễ, phòng dịch kịp thời đảm bảo an toàn đời sống sinh hoạt cho nhân dân vùng thiên tai.

(9). Điện lực Sơn La

Tổ chức kiểm tra an toàn hành lang lưới điện, an toàn nguồn điện, thiết bị điện; có phương án xử lý khắc phục sự cố hư hỏng do mưa, lũ trong thời gian sớm nhất phục vụ các hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

(10). Cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện những nội dung tương tự cùng cấp tại địa bàn quản lý, ứng phó hiệu quả với hình thể thời tiết, thiên tai nguy hiểm và chủ động ứng phó ngay từ giờ đầu khi xảy ra thiên tai.

5. Cơ chế tổ chức hoạt động, chỉ đạo điều hành, tài chính, trách nhiệm của các sở, ban ngành cùng toàn thể hệ thống chính trị trong ứng phó với mưa lớn, lũ quét, lũ lụt, sạt lở đất, đá được tổ chức triển khai khẩn trương, cấp bách trên cơ sở nội dung Phương án ứng phó thiên tai đã được UBND tỉnh phê duyệt trong năm (*Phương án ứng phó thiên tai năm 2020 UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2020*).

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan theo từng lĩnh vực, địa bàn quản lý triển khai thực hiện tốt các nội dung Phương án Ứng phó với mưa lớn, lũ quét, lũ lụt, sạt lở đất, đá trong mùa mưa lũ kịp thời và hiệu quả./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lò Minh Hùng

Phụ lục số 01
ĐỊA ĐIỂM CÓ NGUY CƠ CAO XẢY RA LŨ QUÉT, SẠT LỞ ĐẤT VÀ NGẬP LỤT
(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND tỉnh)

STT	Huyện	Loại hình thiên tai	Địa điểm
1	Thành phố Sơn La	Lũ quét	Các lưu vực xã Chiềng Cọ; lưu vực Suối Nậm La; các cầu treo qua suối Nậm La thuộc địa bàn xã Hua La, Chiềng Cọ; hồ chứa: Co Muông xã Chiềng Cọ, hồ Bản Mòng xã Hua La đang thi công.
		Sạt lở đất, đá lăn	Khu vực tổ 2 và tổ 10 phường Chiềng Lè; dọc suối Nậm La; bản Cọ, bản Bó Nong Cốc phường Chiềng An; đường tỉnh 117 (Sơn La - Mường Chanh); đường liên xã khu vực Chiềng Đen, Chiềng Cọ, Hua La, Quốc lộ 6 (đoạn tổ 10 phường Chiềng Lè).
		Ngập lụt	Khu vực xã Chiềng Xôm, khu vực dọc Mường thoát lũ Chiềng Sinh - Quýt Thắng, khu vực bản Co Pục xã Chiềng Ngần, khu vực dọc Mường thoát lũ từ tổ 14 phường Quýt Thắng (Huổi Hìn) đến suối Nậm La (phường Chiềng Cọ) đặc biệt là đường Hoàng Quốc Việt - phường Chiềng Cọ, trên QL6 đoạn Km 301 + 980 đến Km 302 + 150.
2	Mai Sơn	Lũ quét	Dọc lưu vực suối Nậm Pàn; lũ quét cục bộ những lưu vực nhỏ các xã: Chiềng Lương, Chiềng Chăn, Chiềng Ban, Chiềng Kheo, xã Tà Hộc, Nà Ót (trường THCS Dân tộc bán trú Nà Ót); hồ Tiên Phong, hồ Bản Kéo, hồ Nà Bó, hồ Đen Phường, hồ Bản Sắng, hồ Mường Bon, hồ Noong Ó.
		Sạt lở đất, đá lăn	Khu vực các xã: Tà Hộc, Nà Bó, Bản Hà Sét xã Nà Ót; QL6, QL 4G (Mai Sơn - Sông Mã), đường tỉnh ĐT.110 (Mai Sơn - Tà Hộc), đường tỉnh 110 (Hát Lót - Chiềng Sung), đường tỉnh 113 (Cò Nòi -

STT	Huyện	Loại hình thiên tai	Địa điểm
			Phiêng Cầm), Hát Lót - Chiềng Mung, cầu treo trên địa bàn các xã: Mường Bon, Mường Bằng, khu vực trên các tuyến đường giao thông thuộc các xã: Chiềng Chăn, Phiêng Păn, Chiềng Lương, Chiềng Chung
		Ngập lụt	Khu vực dọc QL6 Km 270 - 275 (Nhà máy Mía đường Sơn La); các tiểu khu 4, 5, 6, 7, 9, 10, 13, 14, thị trấn Hát Lót; xã Chiềng Mung (QL6 Km 287 - 288); đường Tỉnh 103, đoạn trường THPT Cò Nòi
		Lũ quét	Lưu vực suối Vạt, suối Sập, suối Pha Cúng xã Lóng Phiêng; lũ quét cục bộ lưu vực nhỏ các xã: Chiềng Đông, Tú Nang, Chiềng Tương; hồ Chiềng Khoi, hồ Mường Lựm
	Yên Châu	Sạt lở đất, đá lăn	Bản Mỏ Than - xã Lóng Phiêng; bản Huổi Thón - xã Chiềng Hặc; khu tái định cư bản Quỳnh Sơn - xã Yên Sơn. Các tuyến đường giao thông xung yếu: QL 6 đoạn Km 214, 219, 229, 237, 254, 255, 258; QL.6C, Chiềng Sàng - Bó Phương và các tuyến đường liên xã, cầu treo trên địa bàn các xã dọc suối Sập từ xã Sập Vạt đến xã Chiềng Hặc; đường tỉnh ĐT.6C đi cửa khẩu Lao Khô; đường ĐT.103B từ xã Yên Sơn đi xã Chiềng On; tuyến đường từ QL6 đi xã Mường Lựm; đường đi xã Lóng Phiêng, xã Chiềng Tương; đường GTNT Hang Hóc - Bó Kiếng, xã Chiềng Hặc.
4	Thuận Châu	Lũ quét	Dọc lưu vực suối Muội, suối Dòn; lũ quét cục bộ trên những lưu vực nhỏ thuộc các xã: Bon Phăng, Nậm Lầu, Co Mạ, Bản Lâm, Mường Khiêng; cầu treo trên địa bàn các xã Chiềng Ngâm, Tông Lệnh; hồ chứa: Hồ Lái Bay, hồ Nong Chay.

STT	Huyện	Loại hình thiên tai	Địa điểm
5	Quỳnh Nhai	Sạt lở đất, đá lăn	Trên địa bàn các xã: Nậm Lầu, Thôm Mòn, Tông Lạnh, Phổng Lập, Chiềng Bôm, các xã vùng cao, vùng di dân tái định cư; các tuyến đường giao thông xung yếu: QL6, đường tỉnh ĐT.108 (Thuận Châu - Co Mạ), đường tỉnh ĐT.107 (Chiềng Pắc - Quỳnh Nhai); các tuyến liên xã nội huyện, đặc biệt các tuyến khu tái định cư Tông Cọ - Bó Mươi, Bó Mươi - Liệp Tè, Co Mạ - Mường Bám.
		Ngập lụt	Trên địa bàn các xã: Tông Cọ, Tông Lạnh, Bó Mươi, Thôm Mòn, ngập úng trên địa bàn xã Phổng Lái, khu vực chợ trung tâm thị trấn Thuận Châu.
		Lũ quét	Suối Nậm Giôn, suối Cà Nàng; các lưu vực trên địa bàn xã Mường Giôn và xã Chiềng Khay, suối Phiềng Xía, suối Lu thuộc địa phận xã Mường Giàng; xã Liệp Muội (lưu vực suối Muội).
		Sạt lở đất, đá lăn	Khu tái định cư bản Bia, bản Cươn, bản Bó Ban, bản Huổi Pay I, bản Huổi Pay II xã Chiềng Bằng; bản Phát Hường xã Cà Nàng; khu trường Trung học phổ thông và trung tâm thị tứ Mường Giôn xã Mường Giôn; bản Khừm xã Pá Ma Pha Khinh, trên địa bàn các xã: Chiềng Khay, Liệp Muội, Chiềng Khoang, Nậm Ét, Mường Sai, Mường Giàng; Mường Chiên; các tuyến đường giao thông xung yếu: QL279 (Cáp Na - Đèo Minh Thắng), QL6B, các tuyến liên xã nội huyện, đặc biệt các tuyến đường mới khu di dân tái định cư, tuyến Mường Giôn - Chiềng Khay, cầu treo trên địa bàn các xã Nậm Ét, Chiềng Sai.
		Ngập lụt	Trên địa bàn các xã: Chiềng Bằng, Chiềng Muôn, Mường Giàng; Huổi Bua khu điểm trường Tiểu học bản Xa, Bản Lọng Mường xã Mường Giôn.

STT	Huyện	Loại hình thiên tai	Địa điểm
6	Mường La	Lũ quét	Suối Nậm Păm, suối Nậm Mu, Nậm Dôn, suối Bú; cục bộ các lưu vực trên địa bàn Bản Pét - xã Tạ Bú, xã Mường Bú; xã Chiềng San, thị trấn Ít Ong, bản Huổi Lẹ - xã Nậm Dôn; cầu treo trên địa bàn các xã: Chiềng San, Chiềng Hoa, Tạ Bú, Mường Bú; Tiểu khu 1 khu vực dọc theo suối Cạn, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La; khu vực bản Lướt dọc theo suối Chiến, xã Ngọc Chiến, huyện Mường La.
		Sạt lở đất, đá lăn	Các tuyến đường giao thông xung yếu: QL279D; đường liên xã nội huyện Mường La - Ngọc chiến, Mường La - Chiềng Lao, tuyến giao thông Pi Toong - Mường Trai tại đèo Co Ban; tuyến đường từ đường ĐT.109 đi bản Hin, bản Hồng; tuyến đường từ trung tâm xã Ngọc Chiến đi bản Pù Dánh, bản Giàng Phủng, bản Nậm Nghiệp và tuyến đường từ Nậm Chiến đi Mù Cang Chải; tuyến đường liên xã Nậm Păm từ bản Piêng đi Hua Phiêng; tuyến đường từ trung tâm xã Tạ Bú đi bản Tà Lành, xã Chiềng Hoa; các tuyến đường từ Chiềng Hoa lên Chiềng Công, từ Chiềng Hoa đi Chiềng Ân, từ Chiềng Lao đi Nậm Giôn; tiểu khu 1 khu vực dọc theo Suối Cạn, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La.
		Ngập lụt	Thị trấn Ít Ong, các xã Tạ Bú, Mường Bú; khu vực bản Lướt dọc theo suối Chiến, xã Ngọc Chiến, huyện Mường La
		Lũ quét	Thị trấn Mộc Châu, dọc lưu vực suối Sập, suối Giăng; Lũ quét cục bộ những lưu vực địa bàn các xã: Chiềng Khừa, Chiềng Hắc, Tân Lập, Tân Hợp, Hua Păng, Quy Hướng, Nà Mường, Mường Sang
7	Mộc Châu	Sạt lở đất, đá lăn	Các xã vùng dọc lòng hồ sông Đà, trên địa bàn xã Chiềng Hắc, xã Ta Liệt; các tuyến đường giao thông xung yếu: QL6, QL43 (Vạn Yên - Lóng Sập), ĐT 104 (Mộc Châu - Tân Lập), ĐT 102 (Chiềng

STT	Huyện	Loại hình thiên tai	Địa điểm
			Sơn - Chiềng Xuân), các tuyến đường liên xã nội huyện
		Ngập lụt	Các vùng trũng thị trấn Mộc Châu, nông trường Mộc Châu; khu vực hạ lưu suối Mon (xã Mường Sang)
		Lũ quét	Suối Tân, suối Quanh; cục bộ các lưu vực thuộc xã Mường Men; khu dân cư (đoạn từ bản Pa Cốp - Chua Tai, xã Vân Hồ đi bản Lũng Xá, xã Lóng Luông, huyện Vân Hồ); bản Suối Lìn, xã Vân Hồ
8	Vân Hồ	Sạt lở đất, đá lăn	Bản Chiềng Di xã Vân Hồ; bản Nà Bai xã Quang Minh, trên địa bàn các xã: Tân Xuân, Chiềng Khoa, Chiềng Yên, Suối Bàng, Song Khủa; các tuyến đường giao thông xung yếu: QL6, ĐT101 (Mộc Châu - Mường Tè), các tuyến đường liên xã; đường giao thông từ trung tâm xã Chiềng Xuân đến bản Sàng, xã Chiềng Xuân
		Ngập lụt	Khu vực các xã Lóng Luông, Vân Hồ (dọc trục đường QL6)
		Lũ quét	Trên suối Tác, suối Sập; các lưu vực địa bàn các xã: Mường Cói, Mường Lang, Mường Bang, Gia Phù; hồ Suối Chiếu, hồ Suối Hòm
9	Phù Yên	Sạt lở đất, đá lăn	Khu vực các xã: Mường Cói, Mường Bang, Tường Tiến, Mường Thái, Nam Phong; rạn nứt trên địa bàn xã Tường Phù. Các tuyến đường giao thông xung yếu QL37, QL43, QL32B (Ngã Hai - Mường Cói), ĐT114 (Tân Lang - Huy Hạ), các tuyến liên xã
		Lũ quét	Trên các lưu vực các xã: Mường Khoa, Tạ Khoa, Hang Chú, Hồng Ngải, Háng Đồng, Pắc Ngà, Xím Vàng.
10	Bắc Yên	Sạt lở đất, đá lăn	Sạt lở các tuyến đường giao thông xung yếu: QL37, đường tỉnh ĐT.112 (Bắc Yên - Làng Chếu), các tuyến đường liên xã nội huyện.

STT	Huyện	Loại hình thiên tai	Địa điểm
11	Sông Mã	Lũ quét	Trên lưu vực cục bộ các xã: Chiềng Khương, Bó Sinh, Nà Nghiu, Chiềng Khoong, Chiềng En, Mường Sai, Chiềng Sơ, Mường Hung.
		Sạt lở đất, đá lăn	Trên địa bàn các xã: Bó Sinh, Chiềng Phung; các tuyến đường giao thông xung yếu: QL4G, Tỉnh lộ 105 (Sông Mã - Púng Bánh), Tỉnh lộ 115 (Nà Nghiu - Mường Lầm), các tuyến đường liên xã nội huyện; dọc bờ Sông Mã.
12	Sốp Cộp	Lũ quét	Trên lưu vực dọc suối các xã: Mường Vả, Mường Lèo, Nậm Lạnh, Mường Lạn, Púng Bánh, Dôm Cang.
		Sạt lở đất, đá lăn	Các tuyến đường giao thông xung yếu: QL4G, Tỉnh lộ 105 (Sông Mã ÷ Púng Bánh), tuyến đường Mường Vả ÷ Mường Cai huyện Sông Mã, các tuyến đường liên xã, đường dân sinh; đường vành đai biên giới. Cầu treo trên địa bàn các xã: Nậm Lạnh, Mường Lạn, Púng Bánh; suối Nậm Công thuộc địa phận xã Sốp Cộp.

Phụ lục số 02
ĐỊA ĐIỂM CÓ NGUY CƠ CAO XẢY RA NGẬP LỤT TRÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND tỉnh)

STT	Tên đường	Lý trình		Địa danh	Phạm vi ngập lụt (m)	Mức độ ảnh hưởng
		Từ Km	Đến Km			
I	Quốc lộ				1.719	
1	QL6B				130	
-		Km 2 + 780	Km 2 + 790	Xã Tông Cọ, huyện Thuận Châu	20	Nước ngập úng, hư hỏng mặt đường, mất ATGT
-		Km 22 + 750	Km 22 + 860	Xã Chiềng Khoang, huyện Quỳnh Nhai	110	Nước ngập úng gây ách tắc giao thông, hư hỏng mặt đường, mất ATGT
2	QL6C				70	
-		Km 12 + 320	Km 12 + 390	Xã Lóng Phiêng, huyện Yên Châu	70	Lưu lượng nước lớn, cống ngang đường vào bãi đá không thoát nước kịp, nước tràn qua nền, mặt đường; không tập trung dòng chảy vào cống ngang đường trên QL6C mà chảy tràn trên mặt đường gây xói hỏng mặt đường và ách tắc giao thông
3	QL12				25	
-		Km 300 + 050		Bản Pá Lung, xã Chiềng En, huyện	25	Khi nước lũ trên Sông Mã lên cao gây ra ngập úng,

STT	Tên đường	Lý trình		Địa danh	Phạm vi ngập lụt (m)	Mức độ ảnh hưởng
		Từ Km	Đến Km			
				Sông Mã		các phương tiện không thể lưu thông qua lại, gây tắc đường
4	QL37				130	
-		Km 378 + 420	Km 378 + 500	Thị trấn Phù Yên,	80	Ngập úng cục bộ do công ngang đường không thoát kịp, phía hạ lưu bị san lấp mặt bằng và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, huyện không giải phóng được mặt bằng để XD công mới
-		Km 383 + 710	Km 383 + 760	Xã Huy Hạ, huyện Phù Yên	50	Do đường vào bản Nong Vai, xã Huy Hạ rộng 3,5m bằng BTXM giao với QL37 tại Km 383 + 727 không có rãnh dọc và công rãnh dọc với QL37. Khi xảy ra mưa lớn, đường BTXM trở thành “mương” dẫn nước mưa đổ xuống QL37 gây ngập úng cục bộ
5	QL43				1.164	
-		Km 46 + 550	Km 46 + 650	Xã Nà Mường, huyện Mộc Châu	100	Dòng chảy bị bồi lấp tôn cao, lưu lượng nước thoát chậm ngập úng mặt đường tràn

STT	Tên đường	Lý trình		Địa danh	Phạm vi ngập lụt (m)	Mức độ ảnh hưởng
		Từ Km	Đến Km			
-		Km 52 + 150	Km 52 + 300	Xã Hua Păng, huyện Mộc Châu	150	Dòng chảy bị bồi lấp tôn cao, lưu lượng nước thoát chậm ngập úng mặt đường tràn
-		Km 64 + 900	Km 65 + 050	Xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu	150	Dòng chảy bị bồi lấp tôn cao, lưu lượng nước thoát chậm ngập úng mặt đường tràn
-		Km 73 + 600	Km 73 + 750	Thị trấn Nông trường, huyện Mộc Châu	150	Nhân dân xây dựng nhà ở tôn nền nhà cao hơn mặt đường, mương thoát nước từ cống ngang đường ra hệ thống thoát nước chung bị san lấp thu hẹp gây ngập úng nền mặt đường
-		Km 74 + 450	Km 74 + 550	Thị trấn Nông trường, huyện Mộc Châu	100	Nhân dân xây dựng nhà ở tôn nền nhà cao hơn mặt đường, mương thoát nước từ cống ngang đường ra hệ thống thoát nước chung bị san lấp thu hẹp gây ngập úng nền mặt đường
-		Km 77 + 800	Km 78 + 100	Thị trấn Nông trường, huyện Mộc Châu	300	Nhân dân xây dựng nhà ở tôn nền nhà cao hơn mặt đường, mương thoát nước từ cống ngang đường ra hệ thống thoát nước chung bị san lấp thu hẹp gây ngập úng nền mặt đường

STT	Tên đường	Lý trình		Địa danh	Phạm vi ngập lụt (m)	Mức độ ảnh hưởng
		Từ Km	Đến Km			
-		Km 80 + 300	Km 80 + 514	Thị trấn Nông trường, huyện Mộc Châu	214	Nhân dân xây dựng nhà ở tôn nền nhà cao hơn mặt đường, mương thoát nước từ cống ngang đường ra hệ thống thoát nước chung bị san lấp thu hẹp gây ngập úng nền mặt đường
6	QL279D				200	
		Km 93 + 000	Km 94 + 100	Xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La	200	Do người dân 2 bên đường san lấp, tôn cao mặt bằng phần đất phía ngoài giáp nền đường làm cho nước dâng lên và không tiêu thoát được gây ngập lụt tắc đường
II	Đường tỉnh				1.302	
1	ĐT.101				70	
-	Đoạn Lóng Luông - Phiêng Luông	Km 15 + 150	Km 15 + 200	Xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ	50	Hạ lưu cống ngang đường bị san lấp gây tắc dòng chảy, làm ngập úng nền, mặt đường
-		Km 20 + 370	Km 20 + 390	Thị trấn Nông trường, huyện Mộc Châu	20	Hạ lưu cống ngang đường bị san lấp gây tắc dòng chảy, làm ngập úng nền, mặt đường
2	ĐT.102				15	

STT	Tên đường	Lý trình		Địa danh	Phạm vi ngập lụt (m)	Mức độ ảnh hưởng
		Từ Km	Đến Km			
-		Km 34 + 00	Km 34 + 015	Xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu	15	Cống ngang đường không đủ khả năng thoát nước khi có mưa lớn gây ngập úng cục bộ
3	ĐT.104				400	
-		Km1 + 400	Km 1 + 800	Thị trấn Nông trường, huyện Mộc Châu	400	Nhân dân xây dựng nhà ở tôn nền nhà cao hơn mặt đường, mương thoát nước từ cống ngang đường ra hệ thống thoát nước chung bị san lấp thu hẹp gây ngập úng nền mặt đường
4	ĐT.109				10	
-		Km 32 + 680	Km 32 + 690	Xã Ngọc Chiến, huyện Mường La	10	Mưa lớn xói trôi 01 cửa tràn
5	ĐT.110				200	
	Hát Lót - Mường Bú					
		Km 4 + 250	Km 4 + 450	Xã Nà Bó, huyện Mai Sơn	200	Nước chảy tràn từ bên trái qua bên phải do đoạn tuyến có trắc dọc từng thấp và không có cống thoát nước ngang đường
6	ĐT. 113				80	
-		Km 0 + 700		Bản Nà Ót, xã Nà Ót, huyện Mai Sơn	80	Nước ngập, sa bồi ứ đọng lưu thông qua lại khó

STT	Tên đường	Lý trình		Địa danh	Phạm vi ngập lụt (m)	Mức độ ảnh hưởng
		Từ Km	Đến Km			
						khăn, trơn trượt gây mất ATGT
7	ĐT.114				337	
a	Km 0 - Km 70					
-		Km 5 + 700	Km 5 + 900	Xã Tân Lang, huyện Phù Yên	200	Trắc dọc đoạn tuyến trùng thấp, nhân dân tôn nền nhà hai bên cao hơn cao độ mặt đường
-		Km 9 + 000	Km 9 + 070	Xã Tân Lang, huyện Phù Yên	70	Trắc dọc đoạn tuyến trùng thấp, nhân dân tôn nền nhà hai bên cao hơn cao độ mặt đường
-		Km 61 + 902	Km 61 + 922	Xã Huy Tường, huyện Phù Yên	20	Nước ngập nền, mặt đường do cống chìm thoát nước ngang đường mất tác dụng, thiết kế cống mới
-		Km 69 + 010	Km 69 + 042	Xã Huy Tường, huyện Phù Yên	32	Đường tràn khẩu độ nhỏ không đủ khả năng thoát nước thường xuyên bị ngập gây ách tắc giao thông
b	Mường Bang - Đông Nghè					
-		Km 3 + 050	Km 3 + 065	Xã Mường Bang, huyện Phù Yên	15	Trắc dọc trùng thấp, đường cạnh suối, khi nước lớn nước ngập nền, mặt đường

STT	Tên đường	Lý trình		Địa danh	Phạm vi ngập lụt (m)	Mức độ ảnh hưởng
		Từ Km	Đến Km			
8	ĐT.116				10	
-	Mường Bú - Chiềng Khoang	Km 43 + 400	Km 43 + 410	Xã Chiềng Ngâm, huyện Thuận Châu	10	Trắc dọc trung thấp, vị trí khe nước; mùa mưa thường gây ngập úng
9	ĐT.117				180	
-	Chiềng Bôm - Mường É	Km 9 + 800	Km 9 + 980	Xã Phông Lập, huyện Thuận Châu,	180	Nhân dân xây tường bao sát 2 bên đường, khi mưa sa bồi chảy dọc theo đường lũng đọng sa bồi trên mặt đường

Phụ lục số 03

DỰ KIẾN LỰC LƯỢNG HUY ĐỘNG PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND tỉnh)

58

Đơn vị : Người

STT	Lực lượng	Tỉnh	Huyện, thành phố	Phường, xã, thị trấn	Tổng cộng
1	Quân sự	150	330	200	680
2	Công an	150	330	200	680
3	Bộ đội biên phòng	100	150		250
4	Y tế	30	110	300	440
5	Hội Chữ thập đỏ	10	90		100
6	Doanh nghiệp	100	200		300
7	Dân quân, thanh niên xung kích	300	550	5.900	6.750
8	Lực lượng khác	200	100	500	800
Tổng các lực lượng		1.040	1.860	7.100	10.000

CÔNG BÁO SƠN LA/Số 20/ Ngày 31-08-2020

Phụ lục số 04

DỰ KIẾN PHƯƠNG TIỆN, VẬT TƯ HUY ĐỘNG PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND tỉnh)

STT	Danh mục phương tiện, trang thiết bị	Đơn vị	Ngành, doanh nghiệp	Huyện, thành phố	Tổng cộng
1	Xe tải các loại	Chiếc	30	60	90
2	Xe cứu thương	Chiếc	5	12	17
3	Xe mô tô	Chiếc	300	550	850
4	Xe chuyên dùng các loại	Chiếc	50	60	110
5	Máy xúc máy ủi	Chiếc	33		33
6	Xuồng, thuyền máy	Chiếc	5	45	50
7	Thiết bị chữa cháy đồng bộ	Bộ	02	09	11
8	Máy bơm nước các loại	Chiếc	3	125	128
9	Máy phát điện	Chiếc	10	515	525
10	Cửa máy các loại	Chiếc		41	41
11	Máy khoan cắt bê tông	Chiếc		20	20
12	Phao tròn	Chiếc	588	7.827	8.415
13	Áo phao	Chiếc	787	6.195	6.982

STT	Danh mục phương tiện, trang thiết bị	Đơn vị	Ngành,doanh nghiệp	Huyện, thành phố	Tổng cộng
14	Nhà bạt các loại	Bộ	192	435	627
15	Xà beng các loại	Cái		1.200	1.200
16	Cuốc và xẻng	Cái		2.400	2.400
17	Cưa tay	Cái		120	120
18	Hóa chất khử trùng tiêu độc				
-	Thuốc Cloramin tiêu khuẩn vệ sinh môi trường	Viên	200.000		200.000
-	Thuốc Cloramin tiêu khuẩn vệ sinh môi trường	Kg	560		560
-	Hóa chất xử lý nước Fur	Hộp	160		160
-	Dung dịch Manugel	Chai 500ml	155		155
19	Thuốc	Cơ số	200	50	250
20	Dự trữ xăng dầu	M ³		240	240

Số: 1869/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 26 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý, sử dụng kinh phí "túi thuốc y tế
cho các bản đặc biệt khó khăn" trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 38/2017/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2017 của HĐND tỉnh Sơn La về chính sách hỗ trợ túi thuốc y tế cho các bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 257/TTr-SYT ngày 21 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, sử dụng kinh phí "túi thuốc y tế cho các bản đặc biệt khó khăn" trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1432/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2017 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Quy định quản lý, sử dụng kinh phí "túi thuốc y tế bản" trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Y tế; Tài chính; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_Hùng (15b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phạm Văn Thủy

QUY ĐỊNH

**Quản lý, sử dụng kinh phí "túi thuốc y tế
cho các bản đặc biệt khó khăn" trên địa bàn tỉnh Sơn La**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1869/QĐ-UBND
ngày 26/8/2020 của UBND tỉnh)

Chương 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ túi thuốc y tế cho các bản đặc biệt khó khăn nhằm góp phần đáp ứng nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân thuộc các bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Y tế; Sở Tài chính; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trung tâm Y tế, Kho bạc Nhà nước các huyện, thành phố; Trạm Y tế xã; nhân viên y tế bản của các bản đặc biệt khó khăn.

2. Tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ túi thuốc y tế cho các bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Nguyên tắc chung quản lý kinh phí

1. Việc quản lý, sử dụng thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ túi thuốc y tế cho các bản đặc biệt khó khăn được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản hướng dẫn thực hiện và Quy định này.

2. Kinh phí hỗ trợ túi thuốc y tế cho các bản đặc biệt khó khăn được cân đối vào ngân sách của Sở Y tế theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

3. Trung tâm Y tế các huyện, thành phố là đơn vị thực hiện quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí.

Chương 2

LẬP, PHÂN BỐ DỰ TOÁN, SỬ DỤNG VÀ THANH QUYẾT TOÁN KINH PHÍ

Điều 4. Lập dự toán kinh phí

1. Hàng năm, Trung tâm Y tế huyện, thành phố lập dự toán kinh phí hỗ trợ túi thuốc y tế cho các bản đặc biệt khó khăn cùng với dự toán ngân sách gửi về Sở Y tế. Dự toán kinh phí hỗ trợ túi thuốc y tế cho các bản đặc biệt khó khăn căn cứ vào số lượng bản đặc biệt khó khăn của huyện, thành phố theo quy

~~định hiện hành và mức hỗ trợ theo Nghị quyết số 38/2017/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2017 của HĐND tỉnh Sơn La.~~

2. Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế thực hiện thẩm định dự toán, tổ chức làm việc với Trung tâm Y tế huyện, thành phố về dự toán ngân sách hàng năm. Tổng hợp dự toán ngân sách toàn ngành trình Giám đốc Sở Y tế xem xét và gửi Sở Tài chính theo quy định.

Điều 5. Phân bổ, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí

1. Căn cứ phân cấp nhiệm vụ chi do HĐND tỉnh quy định. Sở Y tế phân bổ kinh phí cho Trung tâm Y tế huyện, thành phố, trong đó ghi rõ số kinh phí hỗ trợ túi thuốc y tế cho các bản đặc biệt khó khăn.

2. Căn cứ vào số kinh phí hỗ trợ túi thuốc y tế cho các bản đặc biệt khó khăn được phân bổ, Trung tâm y tế huyện, thành phố thực hiện việc mua thuốc cho túi thuốc y tế bản trên cơ sở hợp đồng với nhà thầu trúng thầu được lựa chọn thông qua đấu thầu.

3. Quản lý và sử dụng, Trung tâm y tế huyện, thành phố được giao quản lý kinh phí túi thuốc y tế cho các bản đặc biệt khó khăn thực hiện rút kinh phí dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước; kết thúc năm ngân sách nguồn kinh phí này không sử dụng hết được chuyển sang năm sau tiếp tục thực hiện.

4. Trung tâm Y tế huyện, thành phố thực hiện quyết toán kinh phí hỗ trợ túi thuốc y tế cho các bản đặc biệt khó khăn theo định mức quy định tại Nghị quyết số 38/2017/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2017 của HĐND tỉnh Sơn La và theo chế độ kế toán hành chính sự nghiệp hiện hành. Kinh phí hỗ trợ túi thuốc y tế bản được hạch toán vào Mục 7000, Tiểu mục 7001 của Mục lục Ngân sách hiện hành.

5. Trung tâm Y tế huyện, thành phố thực hiện báo cáo quyết toán kinh phí hỗ trợ túi thuốc y tế cho các bản đặc biệt khó khăn cùng với báo cáo tài chính quý, năm theo quy định.

6. Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế thực hiện thẩm định, duyệt quyết toán của Trung tâm Y tế huyện, thành phố; tổng hợp quyết toán ngân sách toàn ngành theo quy định. Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kinh phí hỗ trợ túi thuốc y tế cho các bản đặc biệt khó khăn hàng quý, năm về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Chương 3

CUNG ỨNG, CẤP PHÁT, SỬ DỤNG THUỐC

Điều 6. Đấu thầu cung ứng thuốc

1. Trung tâm Y tế huyện, thành phố là đơn vị tổ chức đấu thầu cung ứng thuốc cho túi thuốc y tế cho các bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là thuốc), tuân thủ Luật Đấu thầu và các quy định hiện hành

~~của nhà nước về đấu thầu mua thuốc, trực tiếp ký kết hợp đồng cung cấp thuốc~~
và thực hiện việc cung cấp thuốc cho các bản đặc biệt khó khăn thông qua các Trạm y tế xã và thanh quyết toán tiền thuốc với nhà thầu trúng thầu.

2. Việc lựa chọn đơn vị cung ứng thuốc, ký kết và thực hiện hợp đồng cung cấp thuốc được tổ chức thực hiện 01 lần/năm và hoàn thành trong quý II hàng năm.

3. Đơn vị cung ứng thuốc là các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thuốc có đủ năng lực, được lựa chọn thông qua đấu thầu. Đơn vị cung ứng thuốc có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thuốc đến Trung tâm y tế huyện, thành phố theo đúng hợp đồng đã ký kết.

Điều 7. Cung ứng, cấp phát, sử dụng thuốc

1. Trung tâm y tế huyện, thành phố chịu trách nhiệm bàn giao thuốc cho các trạm y tế xã ngay sau khi đã nhận đầy đủ thuốc từ đơn vị cung ứng; chứng từ giao nhận gồm: Phiếu xuất kho, Biên bản bàn giao thuốc (*theo mẫu quy định*).

2. Ngay sau khi đã nhập thuốc từ Trung tâm Y tế huyện, thành phố, Trạm Y tế phải tổ chức kiểm nhập thuốc (*lập Biên bản kiểm nhập thuốc*). Trạm Y tế xã có trách nhiệm bàn giao thuốc cho nhân viên y tế bản của các bản đặc biệt khó khăn; hướng dẫn cấp phát, sử dụng thuốc cho nhân viên y tế bản. Chứng từ giao nhận gồm: Biên bản bàn giao thuốc (*lập thành 02 bản theo Mẫu số 01*).

3. Ngay sau khi đã nhập thuốc từ Trạm Y tế xã, nhân viên y tế bản phải mời Trưởng bản để tổ chức kiểm nhập thuốc (*lập Biên bản kiểm nhập thuốc, vật tư y tế theo Mẫu số 02*). Thông báo công khai túi thuốc y tế bản đến toàn bộ người dân trong bản được biết.

4. Khi người dân trong bản bị các bệnh thông thường, nhân viên y tế bản đến thăm khám và cấp phát thuốc cho người bệnh, hướng dẫn người bệnh uống thuốc theo đúng tờ hướng dẫn sử dụng của từng loại thuốc; số lượng thuốc cấp phát cho từng người bệnh và một lần cấp phát phải hợp lý, đảm bảo đúng liều lượng thuốc nêu trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc (*phù hợp theo từng lứa tuổi*) với tổng thời gian tối đa không quá 5 ngày điều trị.

Điều 8. Báo cáo sử dụng thuốc

1. Nhân viên y tế bản

Khi cấp phát thuốc cho người bệnh, nhân viên y tế bản lập danh sách các bệnh nhân được cấp phát thuốc, vật tư y tế thuộc túi thuốc y tế bản đặc biệt khó khăn. Gửi danh sách tổng hợp có xác nhận của Trưởng bản về Trạm Y tế xã trước ngày 20 tháng 12 hàng năm (*theo Mẫu số 03*).

2. Trạm Y tế xã

Tổng hợp báo cáo tình hình cấp phát thuốc, vật tư y tế thuộc túi thuốc y tế bản đặc biệt khó khăn gửi Trung tâm Y tế huyện, thành phố trước ngày 25 tháng 12 hàng năm (*theo Mẫu số 04*) kèm theo bản chụp danh sách các bệnh nhân được cấp phát thuốc, vật tư y tế thuộc túi thuốc y tế bản đặc biệt khó khăn (*theo Mẫu số 03*).

3. Trung tâm Y tế huyện, thành phố

Tổng hợp báo cáo tình hình cấp phát thuốc, vật tư y tế thuộc túi thuốc y tế bản đặc biệt khó khăn gửi Sở Y tế và UBND huyện, thành phố trước ngày 31 tháng 12 hàng năm (theo Mẫu số 04).

Chương 4**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 9. Tổ chức thực hiện****1. Sở Y tế**

- Dự toán kinh phí hàng năm, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt;
- Phân bổ kinh phí cho Trung tâm Y tế các huyện, thành phố, trong đó ghi rõ số kinh phí hỗ trợ túi thuốc y tế cho các bản đặc biệt khó khăn.
- Phê duyệt Danh mục thuốc cho túi thuốc y tế bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh trên cơ sở Danh mục thuốc thiết yếu Việt Nam và đề nghị của Trung tâm Y tế các huyện, thành phố.
- Chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Y tế các huyện, thành phố tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu tuân thủ Luật Đấu thầu và các quy định hiện hành về đấu thầu mua thuốc.
- Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc cung ứng, quản lý và sử dụng thuốc theo các quy định hiện hành.

2. Sở Tài chính

- Đảm bảo đáp ứng đủ kinh phí hỗ trợ túi thuốc y tế cho các bản đặc biệt khó khăn theo định mức quy định tại Nghị quyết số 38/2017/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2017 của HĐND tỉnh Sơn La.
- Tham mưu cho UBND tỉnh giao dự toán kinh phí hỗ trợ túi thuốc y tế cho các bản đặc biệt khó khăn cho Sở Y tế trong dự toán thu, chi ngân sách hàng năm.

3. Trung tâm y tế huyện, thành phố

- Tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu tuân thủ Luật Đấu thầu và các quy định hiện hành về đấu thầu mua thuốc.
- Hợp đồng cung ứng thuốc với đơn vị cung ứng theo đúng quy định; bàn giao đầy đủ số lượng thuốc cho các Trạm Y tế xã theo đúng danh mục thuốc trúng thầu và đúng định mức quy định tại Nghị quyết số 38/2017/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2017 của HĐND tỉnh Sơn La.
- Quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định.
- Thống kê, báo cáo tình hình cấp phát, sử dụng thuốc của nhân viên y tế bản, báo cáo về Sở Y tế và UBND huyện, thành phố trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

~~- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình cung ứng, sử dụng thuốc của~~
túi thuốc y tế bản. Khi phát hiện sai phạm trong quá trình cung ứng, sử dụng thuốc phải báo cáo ngay cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý.

- Cung cấp các biểu mẫu báo cáo cho các Trạm Y tế xã và nhân viên y tế bản. Chỉ đạo, hướng dẫn Trạm Y tế xã và nhân viên y tế bản trong việc tiếp nhận, bàn giao, cấp phát, hướng dẫn sử dụng thuốc và tổng hợp báo cáo theo quy định.

4. Trạm Y tế xã

- Bàn giao thuốc và hướng dẫn sử dụng thuốc cho nhân viên y tế bản.
- Tổng hợp tình hình cấp phát, sử dụng thuốc của nhân viên y tế bản báo cáo Trung tâm y tế huyện, thành phố.

5. Trưởng bản và nhân viên y tế bản

- Trưởng bản có trách nhiệm thông báo công khai túi thuốc y tế bản đến toàn thể người dân trong bản được biết; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc cấp phát sử dụng thuốc của nhân viên y tế bản.

- Nhân viên y tế bản: Trực tiếp cấp phát thuốc và hướng dẫn sử dụng thuốc cho người bệnh; Tổng hợp báo cáo tình hình cấp phát, sử dụng thuốc về Trạm Y tế xã theo quy định.

Trên đây là Quy định quản lý, sử dụng kinh phí "túi thuốc y tế cho các bản đặc biệt khó khăn" trên địa bàn tỉnh Sơn La. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố phản ánh về Sở Y tế để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phạm Văn Thủy

Hôm nay, ngày....tháng....năm....., tại Trạm Y tế xã.....chúng tôi gồm có:

1. Bên giao: Trạm Y tế xã.....Đại diện: gồm có:

- Ông/ bà:.....; Trưởng trạm.

- Ông/ bà:.....; Cán bộ Phụ trách công tác dược.

2. Bên nhận:

- Ông/ Bà:.....; Nhân viên y tế bản.....

Hai bên tiến hành bàn giao thuốc và vật tư y tế cho túi thuốc y tế bản đặc biệt khó khăn năm 202....của Bản.....(Số hộ:.....hộ), với tổng giá trị là:.....đồng. Chi tiết các mặt hàng tại bảng sau:

STT	Tên thuốc, vật tư y tế	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Nhóm thuốc	Dạng bào chế, đường dùng	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất, nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1												
2												
3												
4												
5												
6												
7												
8												
9												

STT	Tên thuốc, vật tư y tế	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Nhóm thuốc	Dạng bào chế, đường dùng	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất, nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
10												
11												
12												
13												
14												
15												
...												
...												
	Cộng khoản:.....mặt hàng											

Người nhận

Người giao

TRƯỞNG TRẠM

Họ và tên:

Họ và tên:

Họ và tên:

UBND XÃ.....
BẢN.....

**BIÊN BẢN KIỂM NHẬP THUỐC, VẬT TƯ Y TẾ CHO
TÚI THUỐC Y TẾ BẢN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN NĂM 202.....**

Mẫu số 02
70

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm 202..., Tổ kiểm kê thuốc Bản.....xã.....chúng tôi gồm có:

1. Ông/ Bà:.....

Chức danh: Trưởng ban,

2. Ông/ Bà:.....

Chức danh: Nhân viên y tế bản;

Đã kiểm nhập thuốc tại:.....từgiờ.....ngày.....tháng ... năm.....đến.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Kết quả như sau:

Số TT	Tên thuốc, nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Số kiểm soát	Nước sản xuất	Hạn dùng	Số lượng		Hồng, vỡ	Ghi chú
						Số sách	Thực tế		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1									
2									
3									
4									
5									
5									
6									
7									
8									
9									

UBND XÃ.....
 BẢN.....
 Tờ số:....., năm

**DANH SÁCH BỆNH NHÂN ĐƯỢC CẤP PHÁT THUỐC, VẬT TƯ Y TẾ THUỘC
 TỦI THUỐC Y TẾ BẢN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN NĂM 202....**

Mẫu số 03
 72

CÔNG BÁO SƠN LA/Số 20/Ngày 31-08-2020

Ngày, tháng	STT	Họ và tên bệnh nhân	Chẩn đoán bệnh	Tên thuốc, số lượng thuốc cấp phát	Ký nhận	Ghi chú
Ngày...../...../20....	1					
	2					
	3					
Ngày...../...../20....	1					
	2					
	3					
Ngày...../...../20....	1					
	2					
	3					
.....	...					
		Cộng :bệnh nhân				

Ngày..... tháng năm 20....

NHÂN VIÊN Y TẾ BẢN

TRƯỞNG BẢN

Họ tên.....

Họ tên.....

SỞ Y TẾ/ TTYT HUYỆN...
TTYT./ TRẠM Y TẾ.....

TỔNG HỢP BÁO CÁO TÌNH HÌNH CẤP PHÁT THUỐC, VẬT TƯ Y TẾ
THUỘC TÚI THUỐC Y TẾ BẢN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN NĂM 202....

Mẫu số 04

STT	Bản trên 150 hộ (3.000.000đồng/Túi)		Bản từ trên 100 đến 150 hộ (2.500.000đồng/Túi)		Bản từ 50 đến 100 hộ (2.000.000đồng/Túi)		Bản dưới 50 hộ (1.500.000đồng/Túi)	
	Tên bản	Số bệnh nhân được cấp phát	Tên bản	Số bệnh nhân được cấp phát	Tên bản	Số bệnh nhân được cấp phát	Tên bản	Số bệnh nhân được cấp phát
1	2	3	4	5	6	7	8	9
...	...							
	Tổng cộng							

NGƯỜI BÁO CÁO

GIÁM ĐỐC TTYT / TRƯỞNG TRẠM
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày..... tháng năm

Họ tên.....

* **Ghi chú:** Gửi kèm báo cáo bản chụp Danh sách bệnh nhân được cấp phát thuốc của từng bản (theo Mẫu số 03).

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com